

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận sinh viên hoàn thành chương trình
môn học Giáo dục thể chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Điều lệ trường Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng chính phủ;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1767/QĐ-ĐHTN-ĐTĐH ngày 19/8/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quy định tổ chức giảng dạy môn học Giáo dục thể chất đối với đào tạo đại học theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Tây Nguyên được ban hành kèm theo Quyết định số 1550/QĐ-ĐHTN-ĐTĐH ngày 02/8/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ kết quả học tập môn học Giáo dục thể chất của sinh viên;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học; Trưởng khoa Sư phạm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 1324 sinh viên đã hoàn thành môn học Giáo dục thể chất như sau:

- Khoa Y được 504 sinh viên (Phụ lục I);
- Khoa Nông lâm nghiệp 108 sinh viên (Phụ lục II);
- Khoa Kinh tế 260 sinh viên (Phụ lục III);
- Khoa Sư phạm 127 sinh viên (Phụ lục IV);
- Khoa Lý luận chính trị 31 sinh viên (Phụ lục V);
- Khoa Ngoại ngữ 69 sinh viên (Phụ lục VI);
- Khoa Chăn nuôi - Thú y 88 sinh viên (Phụ lục VII);
- Khoa Khoa học Tự nhiên và Công nghệ 137 sinh viên (Phụ lục VIII).

Điều 2. Trường phòng Đào tạo Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng (để b/c);
- Các khoa Y dược, Nông lâm nghiệp, Kinh tế, Sư phạm, Lý luận chính trị, Ngoại ngữ, Chăn nuôi - Thú y, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ;
- Trung tâm thông tin (đăng website);
- Lưu: VT, ĐTDH (06b).

ph

HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS-TS. *Nguyễn Văn Nam*

Phụ lục I

DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA Y DƯỢC ĐÃ HOÀN THÀNH

MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT

(Kèm theo Quyết định số: 1101/QĐ-ĐHTN ngày 15 tháng 6 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

1. Lớp Y đa khoa K14A1

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	13307205	Nguyễn Thị Đoan Trinh	10/4/1994	2,30	Trung bình	
2	14307001	Phí Thị Thùy An	19/11/1996	2,30	Trung bình	
3	14307002	Trần Thị Hoài An	27/01/1996	2,30	Trung bình	
4	14307003	Huỳnh Thảo Anh	21/8/1996	2,30	Trung bình	
5	14307004	Lê Hùng Anh	28/01/1995	2,00	Trung bình	
6	14307006	Ngô Thị Hiền Anh	01/3/1996	2,30	Trung bình	
7	14307009	Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	07/4/1996	2,30	Trung bình	
8	14307010	Nguyễn Thị Lan Anh	12/12/1995	3,00	Khá	
9	14307011	Nguyễn Thị Lan Anh	15/01/1996	2,00	Trung bình	
10	14307012	Nguyễn Thị Lan Anh	15/6/1996	3,30	Giỏi	
11	14307013	Nguyễn Trần Tuấn Anh	18/7/1995	3,00	Khá	
12	14307014	Phạm Thùy Vân Anh	02/02/1996	2,30	Trung bình	
13	14307015	Trần Vũ Nam Tuấn Anh	01/02/1993	2,00	Trung bình	
14	14307016	Ai Vũ Ayua	07/7/1996	3,30	Giỏi	
15	14307017	Lê Thị Hồng Ánh	24/8/1996	2,30	Trung bình	
16	14307018	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	04/4/1996	2,30	Trung bình	
17	14307019	Trần Thị Ngọc Ánh	16/10/1996	2,30	Trung bình	
18	14307021	Nguyễn Đức Bảo	13/5/1995	2,00	Trung bình	
19	14307022	Nguyễn Văn Bảo	10/9/1995	2,70	Khá	
20	14307023	Đoàn Phương Bắc	20/11/1996	2,70	Khá	
21	14307024	Mai Thị Ngọc Bích	03/12/1995	3,00	Khá	
22	14307025	Nguyễn Thị Hồng Bích	13/5/1996	2,00	Trung bình	
23	14307026	Lê Lâm Bình	02/10/1992	2,70	Khá	
24	14307028	Nguyễn Viết Bình	11/11/1996	3,00	Khá	
25	14307029	Tổng Nguyễn Bình	13/8/1996	3,00	Khá	
26	14307030	Phạm Thị Các Các	29/9/1996	3,00	Khá	
27	14307033	Đinh Bảo Châu	16/02/1995	2,00	Trung bình	
28	14307034	Nguyễn Ngọc Châu	15/01/1996	2,70	Khá	
29	14307035	Trần Ngọc La Châu	11/01/1996	2,00	Trung bình	
30	14307036	Nguyễn Ngọc Lan Chi	06/12/1994	2,00	Trung bình	
31	14307038	Trần Kim Chi	16/9/1996	2,70	Khá	
32	14307039	Trần Thị Kim Chi	04/6/1996	3,00	Khá	
33	14307040	Nguyễn Đức Chính	12/3/1996	2,00	Trung bình	
34	14307041	Nguyễn Thị Chính	26/10/1995	3,30	Giỏi	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
35	14307042	Nguyễn Thị Huỳnh Chung	08/9/1996	3,30	Giỏi	
36	14307043	Phạm Võ Công	05/9/1996	2,70	Khá	
37	14307044	Nguyễn Thị Minh Hằng	11/7/1996	2,30	Trung bình	
38	14307045	Nguyễn Thị Diễm	08/01/1995	3,00	Khá	
39	14307046	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	01/11/1996	2,30	Trung bình	
40	14307047	Phan Thanh Diệp	20/6/1994	2,70	Khá	
41	14307048	Nguyễn Thị Dung	05/01/1996	2,70	Khá	
42	14307049	Nguyễn Thị Thanh Dung	16/02/1995	2,00	Trung bình	
43	14307050	Văn Công Duy	25/11/1995	2,30	Trung bình	
44	14307051	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	19/6/1996	2,70	Khá	
45	14307052	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	04/3/1996	3,00	Khá	
46	14307053	Nguyễn Thị Phương Duyên	27/6/1996	2,30	Trung bình	
47	14307055	Lê Anh Dũng	05/9/1996	2,70	Khá	
48	14307056	Nguyễn Đức Minh Dũng	19/02/1994	2,30	Trung bình	
49	14307057	Phạm Trung Dũng	01/02/1996	2,30	Trung bình	
50	14307058	Trần Minh Dũng	25/02/1996	2,00	Trung bình	
51	14307059	Trần Văn Dũng	25/02/1996	2,30	Trung bình	
52	14307061	Nguyễn Công Dương	05/6/1994	2,00	Trung bình	
53	14307062	Nguyễn Văn Dương	10/01/1996	2,30	Trung bình	
54	14307063	Đào Ngọc Đại	23/02/1996	2,70	Khá	
55	14307064	Ngô Sĩ Đại	24/8/1996	2,30	Trung bình	
56	14307066	Lê Hữu Đạt	01/02/1996	2,70	Khá	
57	14307067	Đặng Hải Đăng	24/3/1996	2,30	Trung bình	
58	14307068	Nguyễn Trọng Đường	02/10/1996	3,00	Khá	
59	14307070	Đỗ Tiến Đức	26/10/1996	2,00	Trung bình	
60	14307071	Huỳnh Đức	20/7/1994	3,00	Khá	
61	14307073	Nguyễn Minh Đức	01/3/1995	2,70	Khá	
62	14307075	Mã Thị Hồng Gấm	04/8/1996	2,00	Trung bình	
63	14307076	Đào Trúc Quỳnh Giang	13/9/1996	2,00	Trung bình	
64	14307077	Trần Thị Mai Giang	31/5/1995	2,00	Trung bình	
65	14307078	Nguyễn Nguyên Giáp	12/5/1996	3,00	Khá	
66	14307084	Lưu Thị Hà	02/01/1996	3,00	Khá	
67	14307085	Nguyễn Thị Hà	13/11/1996	3,00	Khá	
68	14307087	Nguyễn Thị Phương Hà	01/5/1995	3,30	Giỏi	
69	14307088	Phạm Thị Hà	03/8/1996	2,00	Trung bình	
70	14307090	Đặng Thanh Hải	01/01/1996	2,70	Khá	
71	14307091	Đinh Doãn Hải	26/3/1996	3,00	Khá	
72	14307093	Hoàng Thanh Hải	21/6/1996	3,30	Giỏi	
73	14307094	Thái Ngọc Hải	15/11/1996	3,30	Giỏi	
74	14307095	Đặng Thị Mỹ Hạnh	26/8/1995	2,30	Trung bình	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
75	14307098	Phan Thị Lệ Hằng	17/11/1995	2,30	Trung bình	
76	14307099	Võ Nguyễn Thanh Hằng	24/4/1996	2,00	Trung bình	
77	14307100	Đặng Thị Ngọc Hân	11/10/1996	2,00	Trung bình	
78	14307101	Nguyễn Thị Nhật Hân	06/8/1996	2,00	Trung bình	
79	14307102	Ksor Hiếu	26/10/1996	3,00	Khá	
80	14307103	Mai Thị Nguyên Hiếu	06/6/1996	2,30	Trung bình	
81	14307104	Nguyễn Văn Hiếu	30/3/1996	3,00	Khá	
82	14307105	Phùng Xuân Hiếu	01/6/1995	2,70	Khá	
83	14307106	Lê Tú Hiền	07/10/1996	2,30	Trung bình	
84	14307107	Phạm Lê Thị Hiền	17/01/1996	2,30	Trung bình	
85	14307108	Trần Thị Thanh Hiền	15/12/1996	2,30	Trung bình	
86	14307109	Huỳnh Chí Hiệp	16/8/1996	3,30	Giỏi	
87	14307110	Phạm Tổ Hoa	22/7/1996	2,70	Khá	
88	14307111	Đặng Thị Ngọc Hoan	11/10/1996	2,00	Trung bình	
89	14307112	Dương Thị Hoài	10/3/1995	2,00	Trung bình	
90	14307114	Đặng Văn Hoàng	21/01/1996	2,70	Khá	
91	14307115	Trần Văn Hoàng	09/9/1996	2,70	Khá	
92	14307118	Nguyễn Thị Khánh Hòa	12/4/1996	2,00	Trung bình	
93	14307119	Nông Văn Hòa	28/12/1996	2,70	Khá	
94	14307120	Huỳnh Thị Thu Hồng	20/4/1995	2,70	Khá	
95	14307122	Nguyễn Nhật Huy	19/8/1995	3,00	Khá	
96	14307123	Vũ Mạnh Huy	12/9/1996	3,30	Giỏi	
97	14307124	Trần Thị Lệ Huyền	02/02/1996	2,70	Khá	
98	14307126	Nguyễn Thị Thu Huyền	15/11/1996	2,00	Trung bình	
99	14307127	Vũ Thị Huyền	22/12/1996	2,30	Trung bình	
100	14307131	Nguyễn Phú Hùng	01/10/1996	3,00	Khá	
101	14307133	Rcom H' Hươc	04/10/1996	2,30	Trung bình	
102	14307134	K' Hương	19/6/1995	3,00	Khá	
103	14307135	Nguyễn Thị Hương	02/10/1995	2,00	Trung bình	
104	14307136	Trần Thị Thanh Hương	15/3/1996	2,70	Khá	
105	14307137	Triệu Thị Hương	01/12/1996	3,00	Khá	
106	14307193	Lê Thị Ngọc	16/8/1996	2,00	Trung bình	
107	14307252	Trần Thị Như Quỳnh	10/9/1996	2,30	Trung bình	
108	14307254	Nguyễn Minh Sang	21/10/1996	2,00	Trung bình	
109	14307280	Bùi Lê Thanh Thảo	25/7/1996	2,30	Trung bình	
110	14307299	Lê Đức Diễm Thiện	25/9/1996	2,30	Trung bình	
111	14307312	Lê Thị Thanh Thủy	24/02/1996	2,70	Khá	
112	14307327	Phan Thị Kim Tiến	20/02/1996	2,00	Trung bình	
113	14307336	Dương Thị Thủy Trang	29/7/1996	2,70	Khá	
114	14307368	Nguyễn Anh Tuấn	26/11/1996	2,70	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
115	14307377	Phan Thị Thanh Tú	07/10/1996	2,30	Trung bình	

(Tổng 115 sinh viên)

2. Lớp Y đa khoa K14A2

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
116	14307031	Vòng Công Cẩm	09/10/1995	2,30	Trung bình	
117	14307032	Lưu Bảo Chân	03/01/1996	3,70	Xuất sắc	
118	14307037	Phan Thị Kim Chi	24/02/1996	2,30	Trung bình	
119	14307083	Lý Thảo Hà	26/9/1996	2,00	Trung bình	
120	14307132	Trần Việt Hưng	10/4/1995	3,30	Giỏi	
121	14307138	Trần Phước Hữu	17/5/1996	2,30	Trung bình	
122	14307139	Trương Như Ý	01/8/1996	2,00	Trung bình	
123	14307141	Cao Hoàng Khanh	12/8/1995	2,00	Trung bình	
124	14307142	Đinh Vi Khanh	21/01/1996	2,00	Trung bình	
125	14307143	Nguyễn Bá Khánh	12/10/1996	2,00	Trung bình	
126	14307145	Cao Bá Khẩn	10/02/1996	2,00	Trung bình	
127	14307147	Lưu Thị Hồng Khuyên	12/7/1996	3,00	Khá	
128	14307148	Nguyễn Thị Tiểu Kiều	08/6/1995	2,70	Khá	
129	14307149	Nguyễn Thị Thu Lan	01/01/1996	2,70	Khá	
130	14307150	Nguyễn Thị Lài	07/5/1996	2,70	Khá	
131	14307152	Trương Tùng Lâm	28/4/1996	2,30	Trung bình	
132	14307153	Trần Thị Nhật Lệ	20/8/1996	2,00	Trung bình	
133	14307154	Mai Thị Ngọc Liên	15/7/1995	2,00	Trung bình	
134	14307155	Hoàng Nhật Linh	28/6/1993	3,00	Khá	
135	14307157	Hoàng Thị Mỹ Linh	05/01/1996	2,00	Trung bình	
136	14307158	Lê Nguyệt Linh	02/10/1996	2,00	Trung bình	
137	14307159	Ngô Khánh Linh	04/5/1996	2,00	Trung bình	
138	14307160	Nguyễn Diệu Linh	10/7/1994	2,70	Khá	
139	14307161	Nguyễn Thị Tổ Loan	20/11/1996	2,30	Trung bình	
140	14307162	Trần Thị Kim Loan	17/6/1996	3,00	Khá	
141	14307163	Nguyễn Đức Long	03/7/1996	2,30	Trung bình	
142	14307164	Nguyễn Ngọc Long	29/8/1996	2,00	Trung bình	
143	14307165	Nguyễn Lê Hữu Lộc	11/5/1995	2,00	Trung bình	
144	14307166	Trần Công Luận	03/10/1996	2,00	Trung bình	
145	14307167	Trần Đức Lương	24/3/1995	2,00	Trung bình	
146	14307168	Hà Huy Lưu	11/5/1995	2,70	Khá	
147	14307170	Nguyễn Thị Mai	10/7/1994	3,70	Xuất sắc	
148	14307172	Nguyễn Hạnh Mạnh	23/01/1996	2,00	Trung bình	
149	14307173	Lê Văn Mến	01/6/1996	2,00	Trung bình	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
150	14307174	Dương Chi Minh	20/6/1996	2,30	Trung bình	
151	14307175	Hà Văn Minh	02/7/1988	2,30	Trung bình	
152	14307176	Hồ Hoàng Anh Minh	13/01/1996	2,00	Trung bình	
153	14307177	Nguyễn Thị Thanh Minh	17/3/1995	2,70	Khá	
154	14307178	Tôn Thị Minh	04/02/1996	2,00	Trung bình	
155	14307179	Trần Công Minh	11/5/1996	2,70	Khá	
156	14307180	Nguyễn Thị My	30/8/1996	2,00	Trung bình	
157	14307182	Hoàng Phương Nam	21/7/1996	2,30	Trung bình	
158	14307183	Nguyễn Phương Nam	14/8/1996	2,30	Trung bình	
159	14307184	Nguyễn Thành Nam	25/01/1996	2,70	Khá	
160	14307185	Nguyễn Thị Hằng Nga	18/01/1996	2,30	Trung bình	
161	14307188	Thân Thị Ngân	11/4/1996	2,00	Trung bình	
162	14307190	Trần Thị Kim Ngân	09/7/1996	2,00	Trung bình	
163	14307192	Mạc Thị Hạnh Nghĩa	10/4/1996	2,00	Trung bình	
164	14307195	Nguyễn Thị Ngọc	14/4/1996	2,00	Trung bình	
165	14307197	Trần Phạm Khôi Nguyên	29/8/1996	2,70	Khá	
166	14307198	Trần Thị Thảo Nguyên	18/12/1995	2,00	Trung bình	
167	14307199	Trịnh Thảo Nguyên	11/9/1996	2,30	Trung bình	
168	14307200	Trương Đỗ Trung Nguyên	15/9/1996	2,00	Trung bình	
169	14307201	Lê Thị Kim Nguyệt	18/7/1995	2,70	Khá	
170	14307202	Nguyễn Thị Nguyệt	02/02/1996	2,00	Trung bình	
171	14307203	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	10/7/1996	2,70	Khá	
172	14307204	Trần Như Minh Nguyệt	19/12/1996	2,30	Trung bình	
173	14307205	Nguyễn Đức Nhân	04/9/1996	2,00	Trung bình	
174	14307206	Trần Thị Diệu Nhân	22/4/1996	2,00	Trung bình	
175	14307208	Lê Hoàng Ái Nhi	13/5/1995	2,00	Trung bình	
176	14307209	Lê Thị Lâm Nhi	13/3/1996	3,00	Khá	
177	14307210	Nguyễn Phụng Lương Nhi	29/5/1995	2,70	Khá	
178	14307211	Nguyễn Thị Bảo Nhi	20/8/1996	2,00	Trung bình	
179	14307212	Nguyễn Thị Hồng Nhi	14/5/1995	3,30	Giỏi	
180	14307213	Phùng Thị Ánh Nhung	03/01/1995	2,30	Trung bình	
181	14307214	Bùi Thị Phương Như	18/01/1995	2,00	Trung bình	
182	14307219	Phạm Thị Oanh	09/3/1995	3,00	Khá	
183	14307220	Phùng Thị Kim Oanh	17/8/1996	2,30	Trung bình	
184	14307221	Võ Thị Kiều Oanh	06/7/1996	2,30	Trung bình	
185	14307222	Nguyễn Phan Đức Duy Phong	09/10/1996	2,00	Trung bình	
186	14307223	Phạm Đỗ Hoài Phong	30/9/1996	2,00	Trung bình	
187	14307225	Trịnh Quang Phổ	21/3/1995	3,00	Khá	
188	14307227	Nguyễn Quang Phú	04/01/1996	2,70	Khá	
189	14307228	Vương Quốc Phú	03/6/1996	2,70	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
190	14307229	Châu Hoàng Phúc	03/6/1991	3,00	Khá	
191	14307230	Đàm Quang Phúc	10/6/1996	2,00	Trung bình	
192	14307231	Trần Công Phúc	01/8/1995	2,00	Trung bình	
193	14307232	Miêu Duy Phương	26/8/1996	2,00	Trung bình	
194	14307233	Nguyễn Đình Phương	28/02/1996	2,30	Trung bình	
195	14307235	Nguyễn Thị Thu Phương	03/3/1995	2,30	Trung bình	
196	14307236	Cao Thị Bích Phương	12/12/1995	2,30	Trung bình	
197	14307237	Dương Nguyễn Kim Phương	28/12/1996	2,00	Trung bình	
198	14307238	Mai Thị Thu Phương	01/9/1996	2,00	Trung bình	
199	14307239	Nrông K' Duy Py	08/3/1997	2,30	Trung bình	
200	14307241	Võ Kim Quang	09/5/1996	2,30	Trung bình	
201	14307242	Nguyễn Tường Quân	01/5/1996	2,00	Trung bình	
202	14307244	Trần Hồng Quân	17/11/1996	2,30	Trung bình	
203	14307245	Trần Đình Quý	27/7/1996	2,70	Khá	
204	14307246	Phan Thị Lệ Quyên	05/7/1995	2,00	Trung bình	
205	14307247	Hồ Thị Như Quỳnh	10/10/1995	2,00	Trung bình	
206	14307248	Ngô Mạc Như Quỳnh	05/8/1996	2,30	Trung bình	
207	14307249	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	18/8/1996	2,70	Khá	
208	14307250	Phạm Thị Trúc Quỳnh	01/11/1996	2,00	Trung bình	
209	14307251	Trần Ngọc Quỳnh	05/10/1995	2,00	Trung bình	
210	14307253	Vũ Nguyễn Anh San	12/10/1996	2,00	Trung bình	
211	14307255	Nguyễn Thanh Sang	30/4/1996	2,00	Trung bình	
212	14307257	Phan Khắc Sáng	26/6/1996	2,00	Trung bình	
213	14307258	Phạm Thị Hải Sâm	27/5/1996	2,30	Trung bình	
214	14307259	Nguyễn Thị Sim	01/5/1995	2,30	Trung bình	
215	14307260	Lưu Văn Siu	10/10/1994	2,00	Trung bình	
216	14307261	Nguyễn Tất Song	12/6/1996	3,00	Khá	
217	14307262	Nguyễn Thiên Sơn	01/5/1995	2,70	Khá	
218	14307264	Bùi Thị Thúy Sương	29/4/1995	2,00	Trung bình	
219	14307265	Nguyễn Tri Tài	18/4/1996	3,00	Khá	
220	14307266	Phạm Tiến Tài	12/7/1996	2,70	Khá	
221	14307267	Đặng Minh Tâm	26/7/1996	2,00	Trung bình	
222	14307268	Võ Thị Thanh Tâm	06/10/1996	2,70	Khá	
223	14307270	Trần Lê Tấn	16/8/1996	2,00	Trung bình	
224	14307271	Đào Văn Thanh	21/3/1995	3,00	Khá	
225	14307273	Phạm Thị Thanh	13/6/1995	2,30	Trung bình	
226	14307304	Võ Văn Thọ	28/4/1996	3,30	Giỏi	
227	14307317	Đặng Thị Thanh Thư	24/10/1996	2,30	Trung bình	
228	14307321	Nguyễn Thị Kim Thương	02/02/1995	3,30	Giỏi	
229	14307365	Hồ Tổ Tuấn	20/4/1996	2,00	Trung bình	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
230	14307401	Hồ Đức Vượng	06/6/1996	3,30	Giỏi	
231	14307404	Hoàng Thị Yến	04/02/1995	2,70	Khá	
232	14307484	Châu Thị Hoài Nhâm	05/8/1996	2,30	Trung bình	

(Tổng 117 sinh viên)

3. Lớp Y đa khoa K14A3

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
233	13307173	Tăng Thạch Thảo	18/9/1995	2,00	Trung bình	
234	13307229	Tạ Quốc Việt	24/11/1995	2,30	Trung bình	
235	14307125	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	21/02/1996	3,00	Khá	
236	14307181	Bùi Duy Phương Nam	26/10/1996	3,70	Xuất sắc	
237	14307187	Kiều Thu Ngân	17/7/1996	3,00	Khá	
238	14307191	Đinh Sỹ Nghĩa	16/10/1996	3,70	Xuất sắc	
239	14307215	Huỳnh Thị Ngọc Như	30/12/1996	2,70	Khá	
240	14307274	Lê Thành	26/8/1995	3,70	Xuất sắc	
241	14307275	Lương Quốc Thành	12/10/1996	4,00	Xuất sắc	
242	14307276	Nguyễn Gia Thành	27/10/1994	3,00	Khá	
243	14307277	Nguyễn Xuân Thành	17/5/1996	3,30	Giỏi	
244	14307278	Phạm Văn Thành	01/6/1996	2,70	Khá	
245	14307279	Trần Trung Thành	15/7/1996	3,70	Xuất sắc	
246	14307281	Đặng Thị Thu Thảo	19/6/1996	3,00	Khá	
247	14307282	Hà Thị Thảo	02/8/1995	2,70	Khá	
248	14307283	Lê Bùi Thanh Thảo	06/9/1995	3,70	Xuất sắc	
249	14307284	Lê Thị Thu Thảo	06/11/1996	2,70	Khá	
250	14307285	Nguyễn Thị Thảo	26/5/1996	3,70	Xuất sắc	
251	14307286	Nguyễn Thị Thảo	04/3/1995	3,00	Khá	
252	14307287	Nguyễn Thị Phương Thảo	11/01/1996	3,30	Giỏi	
253	14307288	Nguyễn Thị Thanh Thảo	16/4/1996	2,70	Khá	
254	14307289	Phạm Thị Thảo	21/01/1996	2,70	Khá	
255	14307290	Tô Thị Mỹ Thảo	21/9/1996	2,70	Khá	
256	14307291	Văn Thu Thảo	25/01/1996	2,70	Khá	
257	14307292	Võ Thị Hiếu Thảo	15/8/1994	2,30	Trung bình	
258	14307293	Lê Tất Thắng	06/9/1994	2,30	Trung bình	
259	14307294	Nguyễn Tiến Thắng	26/12/1996	2,30	Trung bình	
260	14307295	Phan Quang Thắng	12/5/1995	3,30	Giỏi	
261	14307296	Phạm Công Tâm Thắng	13/5/1996	3,00	Khá	
262	14307297	Mai Xuân Thân	07/9/1996	3,00	Khá	
263	14307298	Lê Thiên Thi	17/3/1996	4,00	Xuất sắc	
264	14307300	Nguyễn Ngọc Thiện	29/4/1995	3,30	Giỏi	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
265	14307302	Hoàng Tiến Thịnh	10/12/1996	3,30	Giỏi	
266	14307303	Lê Ngọc Thọ	23/12/1996	2,30	Trung bình	
267	14307305	Bạch Định Thiên Thông	09/9/1996	3,30	Giỏi	
268	14307306	Nguyễn Nhật Thông	01/5/1996	3,30	Giỏi	
269	14307307	Dương Thị Thời	11/7/1996	3,30	Giỏi	
270	14307308	Đào Thị Thu	12/4/1996	4,00	Xuất sắc	
271	14307309	Hoàng Bảo Yến Thu	14/10/1996	2,70	Khá	
272	14307310	Nguyễn Thị Bích Thuận	12/4/1996	3,00	Khá	
273	14307311	Nguyễn Văn Thuận	06/12/1995	2,70	Khá	
274	14307313	Nguyễn Thị Thủy	10/9/1996	2,70	Khá	
275	14307315	Vũ Thị Thanh Thủy	16/10/1996	2,70	Khá	
276	14307316	Phan Thanh Thủy	27/6/1996	2,70	Khá	
277	14307319	Dương Thị Minh Thương	07/01/1995	2,70	Khá	
278	14307320	Lương Nguyễn Minh Thương	28/8/1996	2,30	Trung bình	
279	14307322	Lê Danh Thước	10/02/1996	3,00	Khá	
280	14307323	Hoàng Thị Mỹ Tiên	08/5/1996	2,70	Khá	
281	14307324	Lê Thị Mỹ Tiên	13/12/1996	2,70	Khá	
282	14307325	Phan Ngọc Thủy Tiên	29/10/1996	3,00	Khá	
283	14307326	Lê Việt Tiên	31/7/1996	3,30	Giỏi	
284	14307328	Vũ Hoài Tiên	20/7/1996	3,70	Xuất sắc	
285	14307331	Nguyễn Thị Thu Tinh	12/10/1996	2,70	Khá	
286	14307332	Võ Văn Tinh	20/12/1996	4,00	Xuất sắc	
287	14307334	Phan Văn Toàn	28/02/1995	3,30	Giỏi	
288	14307337	Hà Huyền Trang	15/10/1996	2,70	Khá	
289	14307340	Nguyễn Thị Huyền Trang	25/9/1996	3,00	Khá	
290	14307341	Nguyễn Thị Thủy Trang	15/02/1996	3,30	Giỏi	
291	14307344	Tạ Thị Thu Trang	08/8/1992	3,70	Xuất sắc	
292	14307345	Trần Đặng Huyền Trang	04/6/1996	2,70	Khá	
293	14307346	Đặng Thị Thùy Trâm	19/02/1995	2,70	Khá	
294	14307347	Nguyễn Thị Thanh Trâm	25/9/1996	2,30	Trung bình	
295	14307348	Nguyễn Thị Thanh Trâm	24/12/1995	2,30	Trung bình	
296	14307349	Lê Thị Thục Trinh	12/5/1996	2,30	Trung bình	
297	14307350	Nguyễn Thị Mộng Trinh	04/7/1996	2,70	Khá	
298	14307351	Nguyễn Thị Phương Trinh	10/5/1996	2,30	Trung bình	
299	14307352	Trịnh Thị Mỹ Trinh	01/4/1996	3,00	Khá	
300	14307353	Cao Ngọc Trí	28/6/1996	4,00	Xuất sắc	
301	14307354	Nguyễn Hữu Trí	17/10/1996	3,30	Giỏi	
302	14307355	Vũ Minh Trí	20/5/1996	3,00	Khá	
303	14307356	Nguyễn Đức Trọng	02/5/1996	3,00	Khá	
304	14307357	Phạm Thanh Trọng	02/9/1996	3,30	Giỏi	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
305	14307358	Nay Nhật Trung	11/12/1996	3,70	Xuất sắc	
306	14307359	Nguyễn Bảo Trung	04/02/1996	3,70	Xuất sắc	
307	14307360	Nguyễn Hữu Trung	10/7/1996	2,70	Khá	
308	14307361	Trần Văn Trung	11/5/1996	4,00	Xuất sắc	
309	14307362	Trịnh Lê Trung	28/9/1996	2,70	Khá	
310	14307363	Nguyễn Khắc Trường	25/10/1994	3,00	Khá	
311	14307364	Võ Công Trường	05/02/1996	3,00	Khá	
312	14307367	Ngô Văn Tuấn	01/9/1996	2,70	Khá	
313	14307369	Nguyễn Xuân Tuấn	28/6/1996	3,30	Giỏi	
314	14307371	Nguyễn Vũ Tuyên	11/4/1996	2,70	Khá	
315	14307373	Dương Ngọc Tuyên	16/02/1995	3,30	Giỏi	
316	14307374	Nguyễn Hải Lâm Tuyên	21/4/1995	2,70	Khá	
317	14307375	Lê Quốc Tuyên	13/8/1995	3,70	Xuất sắc	
318	14307376	Lê Minh Tú	05/4/1996	2,70	Khá	
319	14307378	Đỗ Mạnh Tùng	09/01/1996	2,70	Khá	
320	14307379	Đỗ Thanh Tùng	24/11/1996	2,70	Khá	
321	14307380	Nguyễn Hoàng Nhật Tùng	29/8/1996	2,70	Khá	
322	14307381	Nguyễn Thanh Tùng	16/5/1996	2,30	Trung bình	
323	14307382	Phạm Thanh Tùng	11/7/1995	3,30	Giỏi	
324	14307383	Nguyễn Văn Tư	28/02/1996	4,00	Xuất sắc	
325	14307384	Trịnh Mạnh Tường	24/6/1995	3,70	Xuất sắc	
326	14307385	Đặng Thị Mỹ Uyên	11/5/1996	2,30	Trung bình	
327	14307386	Đỗ Thị Hà Uyên	25/01/1996	3,00	Khá	
328	14307387	Ngô Thị Thu Uyên	08/12/1996	2,30	Trung bình	
329	14307388	Phạm Lê Tú Uyên	09/02/1996	2,30	Trung bình	
330	14307390	Trương Thị Thu Uyên	29/10/1996	3,00	Khá	
331	14307391	Nguyễn Thị Vân	24/6/1996	3,00	Khá	
332	14307392	Nguyễn Ngọc Lan Vi	25/01/1996	3,30	Giỏi	
333	14307394	Lưu Thị Vinh	19/3/1995	2,70	Khá	
334	14307395	Trần Tường Vinh	26/10/1996	2,70	Khá	
335	14307396	Đoàn Thị Ánh Vĩ	10/11/1996	2,30	Trung bình	
336	14307398	Huỳnh Tấn Vũ	08/01/1995	3,00	Khá	
337	14307399	Lê Tuấn Vũ	20/12/1995	3,30	Giỏi	
338	14307400	Võ Nhật Vương	07/02/1996	3,30	Giỏi	
339	14307402	Võ Lê Tường Vy	10/3/1996	2,70	Khá	
340	14307403	Lăng Thị Thu Xuân	26/5/1996	3,70	Xuất sắc	
341	14307405	Lăng Thị Yến	02/11/1996	2,70	Khá	
342	14307406	Lê Thị Minh Yến	22/4/1996	3,00	Khá	
343	14307408	Nguyễn Thị Kim Yến	08/8/1996	2,70	Khá	
344	14307409	Phùng Xuân Kim Yến	01/02/1995	2,30	Trung bình	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
345	14307410	Vũ Thị Hải Yến	18/6/1996	2,70	Khá	

(Tổng 113 sinh viên)

4. Lớp Y đa khoa K14B

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
346	13307302	Nông Thị Hương	19/5/1994	2,70	Khá	
347	13307359	Y Linh	22/12/1990	2,70	Khá	
348	14307140	Trần Thảo Phương Niê Kdâm	08/5/1996	3,30	Giỏi	
349	14307411	Y Joan Han Adrong	01/01/1995	3,00	Khá	
350	14307412	Hoàng Thị Kim Anh	28/8/1995	3,70	Xuất sắc	
351	14307413	H Sinh Ayũn	07/10/1995	3,30	Giỏi	
352	14307414	H' Thoa Bdap	22/11/1994	2,70	Khá	
353	14307415	Ksor H' Bra	06/02/1995	3,30	Giỏi	
354	14307416	Điêu Thị Bơri	15/8/1994	2,70	Khá	
355	14307417	Lương Thị Đào	03/10/1995	3,00	Khá	
356	14307418	Nông Thị Đào	13/9/1995	2,30	Trung bình	
357	14307421	H' Phương Êban	25/6/1995	2,30	Trung bình	
358	14307422	H' Yên Êban	05/5/1995	3,70	Xuất sắc	
359	14307423	Nguyễn Thị Lan Êban	02/3/1995	2,70	Khá	
360	14307424	Y Khoa Êban	22/3/1994	3,00	Khá	
361	14307426	Lục Thị Hồng Hà	20/8/1995	3,30	Giỏi	
362	14307427	Lục Thị Thu Hà	20/8/1995	3,30	Giỏi	
363	14307428	Chu Xuân Hảo	20/01/1994	3,70	Xuất sắc	
364	14307429	Lộc Thị Hiếu	01/01/1995	2,70	Khá	
365	14307430	Mạc Thị Nông Hiếu	20/4/1995	3,30	Giỏi	
366	14307431	Y Hoa	04/9/1995	3,30	Giỏi	
367	14307432	Y Hòa	20/4/1995	3,70	Xuất sắc	
368	14307434	Rơ Ông K' Hường	26/7/1994	2,70	Khá	
369	14307435	H' Vy Na Kbuôr	23/4/1995	3,30	Giỏi	
370	14307437	Hoàng Văn Kỳ	03/8/1995	2,70	Khá	
371	14307438	Nguyễn Xuân Lành	10/5/1995	3,30	Giỏi	
372	14307439	Lâm Mỹ Linh	03/9/1995	2,00	Trung bình	
373	14307440	Nguyễn Thủy Linh	12/9/1995	3,30	Giỏi	
374	14307441	Sỹ Phương Linh	31/01/1995	3,30	Giỏi	
375	14307442	Ma Thị Nguyễn Loan	26/4/1994	2,30	Trung bình	
376	14307444	Đinh Thị Lý	07/4/1995	2,70	Khá	
377	14307445	H' Dịp Mlô	14/02/1994	3,70	Xuất sắc	
378	14307446	H' Văn Mlô	22/10/1995	2,70	Khá	
379	14307447	Phạm Nguyễn Thành Nam	05/9/1995	2,70	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
380	14307448	Kpă H' Nga	29/5/1995	2,70	Khá	
381	14307449	Thanh Thị Ngọc Nga	11/12/1994	3,00	Khá	
382	14307450	Lộc Nguyễn Thu Ngân	24/9/1995	3,30	Giỏi	
383	14307451	Trần Ánh Ngọc	10/9/1995	3,00	Khá	
384	14307452	Lục Sỹ Nguyễn	14/8/1995	3,30	Giỏi	
385	14307454	Trần Thị An Nhân	22/9/1995	2,70	Khá	
386	14307455	Miêu Phạm Khánh Nhật	20/11/1995	2,00	Trung bình	
387	14307457	H' Bơ Li Ta Niê	10/5/1995	3,00	Khá	
388	14307458	H' Thi Niê	05/4/1995	2,00	Trung bình	
389	14307459	Y - Lek Niê	14/11/1994	3,30	Giỏi	
390	14307461	Nguyễn Thị Nụ	27/8/1995	4,00	Xuất sắc	
391	14307462	Đặng Quang Phương	02/4/1993	2,70	Khá	
392	14307463	Hoàng Thị Phương	29/9/1995	3,30	Giỏi	
393	14307464	Trần Thị Thái Quyên	02/7/1995	2,30	Trung bình	
394	14307465	Siu Rak	10/10/1994	3,30	Giỏi	
395	14307466	Hứa Quách Sự	23/01/1995	2,70	Khá	
396	14307467	Nông Thị Thánh	19/10/1990	2,70	Khá	
397	14307468	Nguyễn Thị Thảo	09/01/1995	4,00	Xuất sắc	
398	14307469	Trần Thị Thu Thảo	19/3/1995	2,30	Trung bình	
399	14307470	Thạch Văn Thiệu	07/8/1995	2,30	Trung bình	
400	14307471	Tăng Thị Thùy	09/5/1995	3,00	Khá	
401	14307472	Phạm Ngọc Lan Thương	02/4/1995	2,30	Trung bình	
402	14307473	Đỗ Thị Thùy Trang	26/5/1995	2,70	Khá	
403	14307474	Ngô Kiều Trang	20/5/1995	3,00	Khá	
404	14307475	Phùng Văn Trang	10/01/1994	4,00	Xuất sắc	
405	14307476	Trần Hữu Tri	25/6/1995	3,30	Giỏi	
406	14307477	Ká Trín	21/01/1995	3,00	Khá	
407	14307478	Nông Thị Bạch Tuyết	22/12/1995	2,30	Trung bình	
408	14307479	Nguyễn Thanh Tùng	29/12/1994	3,30	Giỏi	
409	14307481	Lục Thị Vân	11/11/1992	2,70	Khá	
410	14307482	Cao Thanh Xuân	07/9/1995	2,00	Trung bình	
411	14307483	Chu Thị Hải Yến	27/7/1995	3,70	Xuất sắc	

(Tổng 66 sinh viên)

5. Lớp Y đa khoa K14C

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
412	14307485	Nguyễn Thị Vân Anh	06/6/1996	2,00	Trung bình	
413	14307486	Nguyễn Đăng Tuấn Dũng	15/7/1995	3,00	Khá	
414	14307487	Đặng Thái Dương	01/11/1996	3,30	Giỏi	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
415	14307488	Trịnh Thị Dương	22/7/1994	2,00	Trung bình	
416	14307490	Phan Hoài Thạch Giang	25/4/1996	3,00	Khá	
417	14307491	Trần Thị Thanh Hà	01/6/1994	2,30	Trung bình	
418	14307492	Bùi Thị Thúy Hạnh	17/3/1995	3,00	Khá	
419	14307493	Lê Đăng Thanh Hiếu	09/12/1996	2,70	Khá	
420	14307494	Nguyễn Minh Hiền	07/10/1995	3,00	Khá	
421	14307495	Trịnh Xuân Hinh	19/5/1996	2,00	Trung bình	
422	14307496	Nguyễn Thị Diệu Hòa	08/01/1996	2,70	Khá	
423	14307497	Nguyễn Quang Huy	04/12/1995	2,30	Trung bình	
424	14307498	Nguyễn Trung Kiên	28/10/1996	2,30	Trung bình	
425	14307499	Hoàng Nguyễn Mỹ Linh	01/7/1995	2,00	Trung bình	
426	14307500	Phạm Ta Ly	10/6/1994	3,00	Khá	
427	14307501	Lê Thị Lý	30/5/1996	2,70	Khá	
428	14307502	Nguyễn Thị Mai	23/6/1996	2,70	Khá	
429	14307503	Lê Duy Mẫn	05/3/1996	2,70	Khá	
430	14307504	Nguyễn Bình Minh	28/01/1996	2,00	Trung bình	
431	14307506	Nguyễn Thế Nghĩa	25/01/1996	3,00	Khá	
432	14307507	Huỳnh Trần Kim Ngọc	21/12/1996	2,70	Khá	
433	14307509	Võ Thị Hạnh Nguyên	14/10/1996	2,30	Trung bình	
434	14307510	Trần Ánh Nguyệt	25/12/1995	2,00	Trung bình	
435	14307511	Trần Quốc Nhu	13/01/1996	3,30	Giỏi	
436	14307512	Lâm Hữu Phát	25/9/1996	2,70	Khá	
437	14307513	Phan Thanh Phong	15/6/1996	2,30	Trung bình	
438	14307514	Nguyễn Đức Phúc	01/4/1995	2,00	Trung bình	
439	14307515	Trịnh Thị Ý Thương	05/9/1996	2,00	Trung bình	
440	14307516	Đặng Thị Huyền Trang	03/5/1995	2,00	Trung bình	
441	14307517	Đỗ Thị Mai Trang	05/01/1996	2,70	Khá	
442	14307518	Lê Thu Trang	01/10/1994	2,30	Trung bình	
443	14307519	Trần Thị Tuyết Trâm	25/10/1995	2,70	Khá	
444	14307520	Trương Thị Cẩm Trinh	05/6/1996	3,30	Giỏi	
445	14307521	Đào Đình Tuấn	26/4/1996	2,30	Trung bình	
446	14307523	Phạm Anh Tuấn	10/02/1996	2,30	Trung bình	
447	14307524	Nguyễn Văn Tư	20/11/1996	2,00	Trung bình	
448	14307525	Trịnh Ngọc Viên	13/9/1995	2,70	Khá	
449	14307526	Châu Hoàng Nhật Vy	06/01/1995	2,00	Trung bình	
450	14307527	Nguyễn Thị Thảo Vy	10/10/1996	2,70	Khá	
451	14307528	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	21/3/1996	2,30	Trung bình	
452	14307529	Đường Tuấn Bảo	01/8/1996	2,30	Trung bình	
453	14307530	Lê Thanh Thanh	18/8/1996	2,30	Trung bình	
454	14307531	Nguyễn Hồng Thắng	27/9/1995	2,70	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
455	14307533	Nguyễn Thị Thùy Dung	05/02/1996	2,00	Trung bình	
456	14307535	Nguyễn Bảo Nguyên	02/4/1996	2,00	Trung bình	
457	14307537	Nguyễn Trần Hoàng Phú	26/6/1996	2,00	Trung bình	
458	14307542	Nguyễn Nữ Phương Uyên	19/12/1996	2,00	Trung bình	
459	14307544	Đỗ Thị Thu Bình	10/3/1994	2,30	Trung bình	
460	14307545	Trần Như Duy	22/11/1996	2,70	Khá	
461	14307546	Hồ Quang Duy	11/02/1996	3,00	Khá	
462	14307547	Nguyễn Hoàn Hải	18/4/1994	3,00	Khá	
463	14307548	Nguyễn Thị Như Huỳnh	17/01/1996	2,70	Khá	
464	14307549	Nguyễn Thị Thái Linh	13/11/1996	3,00	Khá	
465	14307550	Trần Xuân Nhã	20/12/1996	2,70	Khá	
466	14307551	Trần Thị Nga	10/01/1995	3,00	Khá	
467	14307552	Hoàng Quốc Nguyên	16/10/1996	2,30	Trung bình	
468	14307553	Ngô Vinh Quang	18/01/1994	3,30	Giỏi	
469	14307554	Trần Phương Thảo	20/4/1996	2,00	Trung bình	
470	14307555	Hoàng Phú Thông	30/11/1993	2,70	Khá	
471	14307556	Hoàng Xuân Thương	16/10/1992	3,00	Khá	
472	14307557	Hoàng Nữ Minh Thư	16/12/1996	2,30	Trung bình	
473	14307558	Ngô Thế Viên	06/8/1996	2,00	Trung bình	

(Tổng 62 sinh viên)

6. Lớp Xét nghiệm y học K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
474	16311012	Trần Thị Út Duyên	30/4/1998	3,30	Giỏi	
475	16311042	Nguyễn Thị Mỹ	20/6/1998	2,70	Khá	
476	16311064	Lê Thị Thu Thảo	15/11/1998	2,70	Khá	
477	16311069	Lăng Thị Thi	03/5/1997	3,00	Khá	
478	16311070	Đào An Thiên	15/10/1998	2,30	Trung bình	
479	16311081	Thành Thị Kim Bạc	05/3/1997	2,70	Khá	
480	16311082	Y Mik Ê Căm	11/02/1997	2,70	Khá	
481	16311083	Y Tor Khuôr	15/01/1995	3,70	Xuất sắc	

(Tổng 8 sinh viên)

7. Lớp Điều dưỡng K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
482	15309042	Nguyễn Nữ Hoàng Ny	23/7/1997	2,00	Trung bình	
483	15309052	Nguyễn Thị Trinh	25/02/1996	2,30	Trung bình	
484	16309001	Dương Huyền Anh	12/4/1998	3,70	Xuất sắc	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
485	16309007	Phạm Thị Mai Anh	26/9/1998	2,30	Trung bình	
486	16309016	Lê Thị Thu Hà	02/9/1998	2,70	Khá	
487	16309023	Ngô Thị Thu Hiền	05/5/1998	2,00	Trung bình	
488	16309025	Nguyễn Thị Thu Hiền	30/3/1998	2,30	Trung bình	
489	16309028	Nguyễn Thị Hòa	30/7/1997	3,00	Khá	
490	16309040	Trương Thị Mai	12/11/1997	2,00	Trung bình	
491	16309047	Phạm Ái Nhi	02/3/1998	3,00	Khá	
492	16309049	Trần Thị Kiều Oanh	10/5/1998	2,00	Trung bình	
493	16309050	Nguyễn Lê Diễm Phúc	08/01/1998	2,30	Trung bình	
494	16309056	Nguyễn Như Quỳnh	16/5/1998	2,70	Khá	
495	16309058	Đoàn Thị Thu Thảo	01/02/1998	2,70	Khá	
496	16309064	Hoàng Thị Thu Thủy	09/3/1997	3,00	Khá	
497	16309065	Phạm Ngọc Thùy	25/9/1998	3,00	Khá	
498	16309066	Đặng Trương Hồng Thư	27/10/1998	2,70	Khá	
499	16309069	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	10/7/1998	2,00	Trung bình	
500	16309074	Triệu Thị Hòa	29/9/1997	3,00	Khá	
501	16309075	H' Nom Hra	09/7/1994	3,00	Khá	
502	16309076	Siu H' Mê Ri	26/3/1997	2,70	Khá	
503	16309078	Tính Đoàn Trinh	01/8/1997	2,70	Khá	
504	16309085	Đoàn Nữ Hoàng Nhi	17/7/1998	2,30	Trung bình	

(Tổng 23 sinh viên)

Tổng cộng: 504 sinh viên

Phụ lục II
DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP ĐÃ HOÀN THÀNH
MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT

(Kèm theo Quyết định số: 1101 /QĐ-ĐHTN ngày 15 tháng 6 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

1. Lớp Công nghệ STH K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	16405001	Đào Ngọc Bích	10/5/1998	2,70	Khá	
2	16405003	Nguyễn Thị Thùy Dung	09/9/1998	3,00	Khá	
3	16405008	Võ Đình Hưng	24/02/1998	3,30	Giỏi	
4	16405012	Nguyễn Thị Cẩm Linh	13/01/1997	2,70	Khá	
5	16405013	Trần Thị Mỹ Linh	27/10/1998	3,00	Khá	
6	16405025	Trần Thị Mỹ Duyên	22/12/1998	3,00	Khá	
7	16405030	Đinh Thị Phượng	02/11/1997	2,70	Khá	

(Tổng 7 sinh viên)

2. Lớp Khoa học cây trồng K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
8	16303001	H' Ghin Ayün	20/7/1998	2,30	Trung bình	
9	16303002	Đỗ Thị Anh Đào	29/01/1998	2,70	Khá	
10	16303008	Nông Thị Thu Hiền	03/4/1998	2,00	Trung bình	
11	16303009	Nông Việt Hoàng	26/4/1998	2,30	Trung bình	
12	16303010	Trần Văn Hồng	17/01/1993	2,70	Khá	
13	16303011	Bùi Nguyễn Hợp	09/10/1998	2,30	Trung bình	
14	16303012	Lãnh Văn Huy	01/3/1998	3,00	Khá	
15	16303014	Đoàn Thanh Huỳnh	08/10/1998	2,30	Trung bình	
16	16303017	Nguyễn Thị Lan	01/3/1997	2,30	Trung bình	
17	16303018	Trần Nhật Lệ	08/3/1998	2,00	Trung bình	
18	16303020	Nguyễn Văn Linh	08/9/1997	2,70	Khá	
19	16303021	Bùi Thị Kiều Lương	27/12/1998	2,00	Trung bình	
20	16303022	Đậu Thị Cẩm Ly	12/10/1998	2,00	Trung bình	
21	16303023	Chu Thị Khánh Lý	02/5/1998	3,00	Khá	
22	16303025	Ksor Nghiêm	23/10/1998	3,00	Khá	
23	16303028	Lê Thị Lan Nhi	03/9/1998	2,00	Trung bình	
24	16303029	H' Bê Ka Niê	25/11/1997	2,70	Khá	
25	16303031	Nguyễn Diệu Oanh	27/10/1998	2,30	Trung bình	
26	16303035	Nông Thị Phượng	10/12/1998	2,30	Trung bình	
27	16303037	Đỗ Minh Quang	19/10/1998	2,00	Trung bình	
28	16303041	Lê Thị Tuyết Sương	15/01/1998	2,00	Trung bình	
29	16303042	Đào Tiến Thành	26/7/1998	2,30	Trung bình	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
30	16303044	Trần Phan Ái Thảo	10/9/1995	2,00	Trung bình	
31	16303045	Lương Thị Mỹ Thiện	10/02/1998	2,30	Trung bình	
32	16303046	Trịnh Xuân Thuận	09/5/1998	2,30	Trung bình	
33	16303048	Nguyễn Thanh Tín	27/8/1998	3,30	Giỏi	
34	16303049	Đỗ Thị Mai Trang	13/12/1998	3,30	Giỏi	
35	16303054	Y Thit Khuôr	28/3/1997	3,70	Xuất sắc	
36	16303056	Lý Thị Diễm Sương	25/8/1997	2,30	Trung bình	
37	16303065	Lê Uyên	01/3/1997	2,70	Khá	

(Tổng 30 sinh viên)

3. Lớp Bảo vệ thực vật K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
38	16302004	Đinh Thị Ngọc Ánh	27/11/1998	2,30	Trung bình	
39	16302006	Trần Thị Ngọc Ánh	04/02/1998	2,00	Trung bình	
40	16302009	Đỗ Thị Chí	02/6/1998	2,30	Trung bình	
41	16302013	Nguyễn Thị Diễm	09/9/1998	2,70	Khá	
42	16302020	Nguyễn Thị Hằng	09/01/1998	3,00	Khá	
43	16302021	Trần Thu Hằng	10/6/1998	2,00	Trung bình	
44	16302023	Hoàng Ngọc Hiếu	27/7/1998	2,30	Trung bình	
45	16302025	Huỳnh Văn Hiền	26/6/1998	2,00	Trung bình	
46	16302027	Đoàn Quang Huy	16/5/1997	3,00	Khá	
47	16302028	Nguyễn Ngọc Huy	16/4/1998	2,00	Trung bình	
48	16302030	Chu Văn Khải	12/10/1998	3,00	Khá	
49	16302032	Võ Hoàng Khôi	22/02/1998	3,00	Khá	
50	16302035	Phạm Thị Lan	16/9/1998	2,00	Trung bình	
51	16302040	Trần Thị Mĩ Ly	15/4/1998	2,70	Khá	
52	16302043	Vũ Văn Nam	06/3/1998	3,00	Khá	
53	16302044	Nông Thị Nga	11/9/1998	2,30	Trung bình	
54	16302057	Đào Viết Hào Quang	24/4/1997	3,30	Giỏi	
55	16302058	Nguyễn Văn Quân	18/7/1998	2,70	Khá	
56	16302063	Ngân Thị Vui Thẩm	19/8/1997	2,30	Trung bình	
57	16302068	Nguyễn Quý Thông	15/01/1998	2,00	Trung bình	
58	16302072	Nguyễn Thị Thương	08/02/1998	2,00	Trung bình	
59	16302077	Nguyễn Thị Thanh Tiền	15/8/1998	2,30	Trung bình	
60	16302079	Nguyễn Thị Thuý Trang	22/4/1998	2,70	Khá	
61	16302083	Trịnh Thị Kim Tuyến	13/02/1998	2,30	Trung bình	
62	16302088	Phan Nguyễn Uyên Uyên	02/01/1998	2,00	Trung bình	
63	16302089	Vũ Nhân Văn	29/12/1998	2,70	Khá	
64	16302092	Ngô Thị Diễm Vy	26/7/1998	2,30	Trung bình	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
65	16302094	Hồ Thị Mỹ Yên	16/12/1998	2,30	Trung bình	
66	16302098	Nguyễn Hoàng Long	18/11/1997	2,30	Trung bình	
67	16302100	H Brők Niê	14/01/1997	3,00	Khá	
68	16302103	Đinh Trâm Đan	03/7/1997	2,30	Trung bình	
69	16302105	Phan Thị Hường	03/11/1998	3,00	Khá	
70	16302107	Vũ Văn Linh	17/7/1998	2,30	Trung bình	
71	16302109	Tạ Thị Kim Nhung	10/12/1997	2,00	Trung bình	
72	16302112	Phan Thị Hà Trâm	25/9/1998	2,30	Trung bình	

(Tổng 35 sinh viên)

4. Lớp Lâm sinh K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
73	16306002	Lương Văn Cường	25/5/1998	2,70	Khá	
74	16306006	H Dân Êñuôl	12/02/1998	3,70	Xuất sắc	
75	16306008	K' Mong	10/10/1997	4,00	Xuất sắc	
76	16306012	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	30/4/1998	2,30	Trung bình	
77	16306013	Lê Thanh Tùng	26/02/1998	2,70	Khá	
78	16306014	H' Duyệt Aliô	28/4/1997	3,70	Xuất sắc	
79	16306021	Hà Thái Sơn	28/4/1997	2,30	Trung bình	
80	16306023	Mai Văn Dũng	21/8/1998	3,00	Khá	

(Tổng 8 sinh viên)

5. Lớp QL tài nguyên rừng K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
81	16308001	Lê Hoàng Dỹ	20/9/1998	2,30	Trung bình	
82	16308002	Đinh Xuân Đoàn	28/3/1996	2,70	Khá	
83	16308006	Hoàng Liên Sơn	11/3/1997	3,00	Khá	

(Tổng 3 sinh viên)

6. Lớp Quản lý đất đai K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
84	16404001	Đào Duy An	10/12/1997	2,00	Trung bình	
85	16404005	Hoàng Bích	26/10/1998	2,30	Trung bình	
86	16404006	Huỳnh Lưu Bình	08/12/1998	2,30	Trung bình	
87	16404010	Vũ Quốc Cường	23/02/1995	2,70	Khá	
88	16404011	Bùi Ngọc Duy	23/9/1998	2,30	Trung bình	
89	16404021	H'Wik H'Đok	20/7/1998	2,00	Trung bình	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
90	16404025	Nguyễn Văn Hoàng	10/02/1997	2,70	Khá	
91	16404026	Trần Đỗ Việt Hoàng	31/8/1998	2,30	Trung bình	
92	16404029	Kpã H'Rong	03/11/1998	2,30	Trung bình	
93	16404030	Đỗ Xuân Huy	19/10/1998	3,70	Xuất sắc	
94	16404037	Hoàng Mỹ Kiều	05/5/1998	3,30	Giỏi	
95	16404052	Nguyễn Cảnh Sơn	20/11/1998	2,00	Trung bình	
96	16404053	Hồ Nhật Sương	01/9/1998	2,00	Trung bình	
97	16404057	Trần Minh Tấn	03/9/1998	2,70	Khá	
98	16404066	Nguyễn Thị Hà Tiên	18/11/1998	2,30	Trung bình	
99	16404067	Nguyễn Thị Hoài Trâm	22/12/1998	3,00	Khá	
100	16404070	Nguyễn Thị Tú Trinh	05/7/1998	2,70	Khá	
101	16404071	Nguyễn Ngọc Tuấn	18/8/1998	2,00	Trung bình	
102	16404073	Đặng Thanh Tú	16/10/1998	2,30	Trung bình	
103	16404076	Phan Phước Viên	10/8/1998	2,30	Trung bình	
104	16404077	Phạm Hoàng Việt	28/01/1998	2,30	Trung bình	
105	16404080	H Ê Mi Ly Byă	21/4/1997	3,00	Khá	
106	16404081	Đinh Văn Chính	19/10/1998	2,70	Khá	
107	16404083	Đỗ Việt Hiền	27/02/1998	2,00	Trung bình	
108	16404092	Đoàn Xuân Viên	06/8/1998	2,00	Trung bình	

(Tổng 25 sinh viên)

Tổng cộng: 108 sinh viên

24/

Phụ lục III
DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA KINH TẾ ĐÃ HOÀN THÀNH
MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT
(Kèm theo Quyết định số: 1101 /QĐ-ĐHTN ngày 15 tháng 6 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

1. Lớp Kinh tế K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	16410002	Huỳnh Tú Anh	21/4/1998	2,30	Trung bình	
2	16410006	Hoàng Minh Chính	02/02/1998	3,00	Khá	
3	16410008	Võ Thị Kim Duyên	25/6/1998	2,30	Trung bình	
4	16410010	H Thoáng Êban	24/10/1998	2,00	Trung bình	
5	16410013	Trần Sơn Hải	25/11/1998	2,00	Trung bình	
6	16410014	Bùi Công Hào	24/01/1998	2,00	Trung bình	
7	16410024	Đinh Thị Thương Hoài	25/10/1998	2,00	Trung bình	
8	16410026	Nguyễn Thị Hiền Hòa	10/6/1998	3,00	Khá	
9	16410027	Bùi Lê Huy	11/10/1998	2,00	Trung bình	
10	16410028	Nông Đức Huy	08/4/1996	3,00	Khá	
11	16410031	Trần Thị Mỹ Huyền	12/7/1998	2,30	Trung bình	
12	16410033	Phạm Thị Lan Hương	30/4/1998	3,00	Khá	
13	16410034	Y Giôn Niê Kdăm	13/5/1998	3,00	Khá	
14	16410035	H' Riệp Kêñ	20/6/1998	2,30	Trung bình	
15	16410036	Nguyễn Thị Kiều	28/10/1998	2,00	Trung bình	
16	16410039	Nguyễn Thị Nhật Lệ	15/01/1998	2,30	Trung bình	
17	16410040	Lê Thị Linh	31/10/1998	2,00	Trung bình	
18	16410042	Chu Thị Luyến	19/5/1998	2,30	Trung bình	
19	16410044	Nguyễn Thị Cẩm Ngân	02/01/1998	2,00	Trung bình	
20	16410045	Nguyễn Thị Tiểu Ngọc	12/01/1998	2,00	Trung bình	
21	16410047	Lâm Nguyễn Ngô Nguyệt	20/02/1998	2,30	Trung bình	
22	16410048	Phan Thị Nhạn	12/12/1997	2,30	Trung bình	
23	16410049	Nguyễn Thị Nhi	13/02/1998	2,00	Trung bình	
24	16410050	Hồ Thị Tuyết Nhung	10/9/1998	2,30	Trung bình	
25	16410052	H' Katarin Niê	12/6/1998	2,30	Trung bình	
26	16410053	Ksor Lâm Oanh	05/5/1998	2,30	Trung bình	
27	16410054	Lý Thị Oanh	08/3/1998	3,00	Khá	
28	16410055	Khuất Ngọc Mai Phương	20/01/1998	2,00	Trung bình	
29	16410058	Nguyễn Thị Mỹ Quyên	12/6/1998	2,70	Khá	
30	16410059	Tổng Hoàng Quỳnh	15/7/1998	2,30	Trung bình	
31	16410061	Hoàng Thị Thanh Tâm	27/8/1998	2,70	Khá	
32	16410064	Đào Thị Thanh Thảo	02/10/1998	2,30	Trung bình	
33	16410065	Lê Hoàng Linh Thảo	20/9/1998	2,30	Trung bình	
34	16410066	Nguyễn Thị Thu Thảo	26/8/1998	2,00	Trung bình	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
35	16410067	Nguyễn Diệu Thu	22/5/1998	3,00	Khá	
36	16410068	Đặng Thị Kim Thủy	04/5/1997	2,30	Trung bình	
37	16410071	Phạm Thị Thanh Trà	17/02/1998	2,30	Trung bình	
38	16410073	Nguyễn Bá Tuấn	21/11/1998	3,00	Khá	
39	16410074	Nguyễn Thị Tú Uyên	17/01/1998	2,00	Trung bình	
40	16410075	Nguyễn Anh Vũ	01/4/1997	2,70	Khá	
41	16410076	K Văn Diu	12/6/1996	3,30	Giỏi	
42	16410080	Hà Minh Khang	23/7/1997	3,00	Khá	
43	16410091	H - Me Ra Knul	20/9/1998	2,70	Khá	

(Tổng 43 sinh viên)

2. Lớp Quản trị KD K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
44	12402082	Nguyễn Thanh Nam	02/8/1994	2,00	Trung bình	
45	15402023	Trần Thị Hoàng Diệu	04/12/1997	2,00	Trung bình	
46	16402001	Chương Hồ Kỳ Anh	21/3/1998	2,00	Trung bình	
47	16402005	Nguyễn Thị Như Anh	26/6/1998	2,30	Trung bình	
48	16402008	Phan Thị Vân Anh	20/6/1998	2,00	Trung bình	
49	16402009	Từ Tuấn Anh	19/8/1998	3,30	Giỏi	
50	16402010	Trần Thị Ngọc Ánh	22/8/1998	2,00	Trung bình	
51	16402015	Hồ Thị Kim Chi	10/01/1998	2,00	Trung bình	
52	16402021	Nguyễn Phan Quân Đạt	23/4/1997	2,30	Trung bình	
53	16402023	Đỗ Ngọc Đình	03/3/1995	2,00	Trung bình	
54	16402024	Lê Thị Hà	22/4/1998	2,00	Trung bình	
55	16402026	Trần Ngọc Hoàng Hà	23/01/1998	2,00	Trung bình	
56	16402027	Trương Thị Bích Hào	12/01/1998	2,00	Trung bình	
57	16402028	Nguyễn Thị Thúy Hằng	21/01/1998	2,30	Trung bình	
58	16402029	Triệu Thị Hằng	28/11/1998	3,30	Giỏi	
59	16402034	Lê Thị Thanh Hoa	26/8/1997	2,00	Trung bình	
60	16402038	Nguyễn Thị Hồng	09/6/1998	2,30	Trung bình	
61	16402042	Lê Hải Hùng	24/10/1994	2,00	Trung bình	
62	16402044	Lâm Thị Tuyết Hường	05/12/1998	2,00	Trung bình	
63	16402051	Trần Thị Thảo Lan	12/11/1998	2,70	Khá	
64	16402053	Nguyễn Thị Lành	21/4/1998	2,00	Trung bình	
65	16402054	Phạm Lâm	25/8/1997	3,00	Khá	
66	16402057	Lý Nhật Linh	29/6/1998	3,30	Giỏi	
67	16402061	Trần Thị Linh	10/02/1997	2,00	Trung bình	
68	16402068	Trương Thị Ly Ly	16/11/1998	2,00	Trung bình	
69	16402071	Y' Ni Ka Mlô	25/3/1994	3,00	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
70	16402072	Phạm Thùy My	30/8/1998	2,70	Khá	
71	16402084	Nguyễn Thị Thảo Nhi	28/11/1998	3,00	Khá	
72	16402090	H' Sanh Niê	03/10/1997	3,00	Khá	
73	16402099	Vũ Thị Quỳnh	10/7/1998	2,30	Trung bình	
74	16402153	Đào Thị Yến	19/6/1998	2,30	Trung bình	

(Tổng 31 sinh viên)

3. Lớp Quản trị KDTM K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
75	16402050	Ngô Văn Lai	07/01/1998	2,00	Trung bình	
76	16402079	Dương Thị Lâm Nguyệt	18/9/1998	3,00	Khá	
77	16402086	Nguyễn Thị Hồng Nhung	15/3/1998	2,00	Trung bình	
78	16402087	Phan Thị Hồng Nhung	24/02/1998	2,00	Trung bình	
79	16402093	Mai Thị Phụng	09/8/1998	2,70	Khá	
80	16402095	Nguyễn Văn Quang	20/12/1997	2,00	Trung bình	
81	16402096	Võ Bá Quý	06/10/1997	3,00	Khá	
82	16402098	Trần Như Quỳnh	10/6/1998	2,70	Khá	
83	16402105	Nguyễn Thị Kim Thái	20/10/1998	2,70	Khá	
84	16402107	Phạm Ngọc Công Thành	09/5/1998	2,00	Trung bình	
85	16402109	Trương Văn Thảo	30/6/1998	2,30	Trung bình	
86	16402111	Đặng Thị Thúy	08/8/1998	2,00	Trung bình	
87	16402119	Trần Thị Thảo Tiên	19/9/1998	2,30	Trung bình	
88	16402121	Phạm Thanh Tiến	12/12/1996	3,00	Khá	
89	16402123	Mai Thành Tôn	09/01/1998	2,00	Trung bình	
90	16402128	Trần Thị Trang	24/4/1998	2,00	Trung bình	
91	16402130	Đinh Thị Tuyết Trinh	27/6/1998	2,00	Trung bình	
92	16402131	Lê Thị Mỹ Trinh	16/9/1998	2,30	Trung bình	
93	16402133	Nguyễn Quốc Tuấn	27/4/1998	3,00	Khá	
94	16402138	Trần Duy Tùng	10/11/1997	2,30	Trung bình	
95	16402141	Huỳnh Thị Nguyên Vi	18/5/1998	2,00	Trung bình	
96	16402142	Trần Văn Việt	15/02/1997	2,70	Khá	
97	16402143	Hồ Văn Vinh	06/3/1998	3,30	Giỏi	
98	16402144	Trần Lê Vinh	26/7/1998	2,70	Khá	
99	16402146	Dương Ngọc Thảo Vy	02/5/1998	2,30	Trung bình	
100	16402147	Lê Đào Thảo Vy	16/9/1998	2,30	Trung bình	
101	16402152	Đàm Thị Yến	10/01/1998	2,00	Trung bình	
102	16402155	Phạm Thị Hoàng Yến	24/5/1997	2,00	Trung bình	
103	16402159	Nguyễn Đăng Khoa	12/4/1998	2,00	Trung bình	
104	16402173	Trịnh Văn Tiến	18/7/1998	3,00	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
----	-------	-----------	-----------	----------	----------	---------

(Tổng 30 sinh viên)

4. Lớp Tài chính ngân hàng K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
105	16406002	Nguyễn Tuấn Anh	03/9/1998	2,00	Trung bình	
106	16406003	Phan Thục Anh	27/5/1998	3,00	Khá	
107	16406007	Nguyễn Hữu Doanh	07/3/1998	2,00	Trung bình	
108	16406008	Nguyễn Thị Dung	30/9/1998	2,30	Trung bình	
109	16406011	Huỳnh Thị Thùy Dương	27/4/1998	2,30	Trung bình	
110	16406012	Huỳnh Thị Thùy Dương	25/7/1998	2,30	Trung bình	
111	16406015	Dương Thị Nhật Hạ	31/3/1998	2,70	Khá	
112	16406016	Huỳnh Ngô Bảo Hân	21/12/1998	2,70	Khá	
113	16406017	Vương Thị Thiên Hậu	06/8/1998	2,00	Trung bình	
114	16406020	Lã Hoàng Thu Hương	06/11/1998	2,70	Khá	
115	16406023	Phạm Thị Hương	21/01/1998	2,30	Trung bình	
116	16406025	Phan Ngọc Khải	09/10/1998	2,00	Trung bình	
117	16406029	Lưu Thị Diệu Mi	16/01/1998	2,30	Trung bình	
118	16406031	Nguyễn Quỳnh Nga	26/11/1998	2,30	Trung bình	
119	16406032	Nguyễn Thanh Ngân	01/8/1998	3,00	Khá	
120	16406039	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20/10/1998	2,00	Trung bình	
121	16406040	H Blăng Niê	17/4/1998	2,30	Trung bình	
122	16406041	Lăng Thị Niệm	30/6/1998	2,70	Khá	
123	16406044	Lê Thị Phương	16/12/1997	2,00	Trung bình	
124	16406046	Trần Đức Phú Quý	26/8/1997	3,00	Khá	
125	16406049	Ngô Thị Thảo	10/6/1997	2,30	Trung bình	
126	16406050	Lê Vũ Nam Thiên	01/02/1998	2,00	Trung bình	
127	16406053	Phan Thị Thanh Thúy	19/8/1998	3,00	Khá	
128	16406054	Nguyễn Thanh Thủy	20/3/1998	2,00	Trung bình	
129	16406055	Đặng Thị Hồng Thúy	22/10/1998	2,00	Trung bình	
130	16406056	Lê Thị Thanh Thủy	10/12/1998	2,30	Trung bình	
131	16406063	Phạm Thu Trang	20/5/1998	3,30	Giỏi	
132	16406067	Nguyễn Thu Uyên	14/11/1998	2,30	Trung bình	
133	16406068	Tạ Thị Thu Uyên	04/3/1997	3,00	Khá	
134	16406069	Nguyễn Thị Thùy Vân	24/5/1998	2,00	Trung bình	
135	16406070	Lê Hoàng Việt	30/8/1998	2,00	Trung bình	
136	16406071	Lê Quang Vinh	25/9/1996	2,30	Trung bình	
137	16406076	Lê Thị Nga	04/11/1998	2,30	Trung bình	
138	16406089	Nguyễn Phạm Trúc Ly	20/9/1997	2,00	Trung bình	

(Tổng 34 sinh viên)

5. Lớp Kế toán K16A

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
139	16403002	Tổng Thị Kim Anh	17/01/1998	2,30	Trung bình	
140	16403003	Trần Thị Phương Anh	02/11/1998	2,00	Trung bình	
141	16403006	Lương Ngọc Ánh	15/8/1998	2,70	Khá	
142	16403007	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	06/10/1998	2,30	Trung bình	
143	16403009	Trần Thị Ngọc Bích	22/10/1998	3,70	Xuất sắc	
144	16403010	H Lunh Bkrông	11/9/1998	2,30	Trung bình	
145	16403012	Phùng Linh Chi	20/6/1998	2,70	Khá	
146	16403013	Trần Thị Danh	03/01/1998	3,00	Khá	
147	16403014	Lê Thị Kiều Diễm	01/5/1998	2,30	Trung bình	
148	16403016	Vũ Thị Dung	15/6/1997	3,00	Khá	
149	16403018	H' Mui Êban	01/01/1998	2,00	Trung bình	
150	16403022	Nguyễn Tiến Hải	01/5/1997	3,30	Giỏi	
151	16403023	Phạm Thị Ngọc Hải	10/4/1998	2,00	Trung bình	
152	16403024	Nguyễn Thị Phương Hạnh	11/12/1998	2,00	Trung bình	
153	16403027	Trần Thị Mỹ Hạnh	10/3/1998	3,30	Giỏi	
154	16403028	Vương Thị Ngọc Hạnh	05/6/1998	3,30	Giỏi	
155	16403030	Đặng Nguyễn Gia Hân	11/12/1998	2,00	Trung bình	
156	16403033	Nguyễn Thị Hiền	10/4/1998	3,70	Xuất sắc	
157	16403039	Bùi Thị Minh Huyền	31/01/1998	3,30	Giỏi	
158	16403042	Ngô Thị Huyền	25/10/1997	2,70	Khá	
159	16403044	Trần Thị Phương Huyền	24/10/1998	2,30	Trung bình	
160	16403048	Lê Thị Bích Liên	10/01/1998	2,00	Trung bình	
161	16403052	Lê Thị Nhật Linh	29/10/1998	2,00	Trung bình	
162	16403053	Lê Thị Thùy Linh	11/10/1998	2,30	Trung bình	
163	16403054	Ngô Thị Mỹ Linh	21/6/1998	2,00	Trung bình	
164	16403056	Nguyễn Thị Hoài Linh	25/3/1998	2,00	Trung bình	
165	16403057	Nguyễn Thị Hồng Linh	26/7/1998	2,00	Trung bình	
166	16403058	Nguyễn Thị Mai Linh	20/12/1998	2,70	Khá	
167	16403060	Phạm Thị Linh	10/8/1998	2,70	Khá	
168	16403061	Phan Thị Thủy Loan	12/7/1998	3,70	Xuất sắc	
169	16403063	Đào Thị My	20/11/1998	2,00	Trung bình	
170	16403064	Trịnh Thị Trà My	09/7/1998	2,30	Trung bình	
171	16403066	Nguyễn Thị Thiên Nga	24/9/1998	2,30	Trung bình	
172	16403089	Lê Thị Sen	06/6/1998	2,00	Trung bình	
173	16403093	Đỗ Thị Thanh Thảo	26/9/1998	2,70	Khá	
174	16403108	Hà Thị Ngọc Thủy	20/11/1998	2,00	Trung bình	
175	16403129	Phạm Thị Cẩm Tú	27/02/1998	2,70	Khá	
176	16403131	Lê Thị Thu Uyên	23/3/1998	2,30	Trung bình	
177	16403137	Trần Thị Tường Vy	13/10/1998	2,30	Trung bình	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
----	-------	-----------	-----------	----------	----------	---------

(Tổng 39 sinh viên)

6. Lớp Kế toán K16B

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
178	16403075	Bùi Thị Nguyệt	13/4/1998	2,70	Khá	
179	16403076	Nguyễn Thị Thanh Nhân	05/8/1998	2,30	Trung bình	
180	16403078	Nguyễn Lý Hoàng Nhi	06/8/1998	2,00	Trung bình	
181	16403081	Võ Thị Ngọc Nhung	12/3/1997	2,00	Trung bình	
182	16403083	Đào Thị Phương	30/4/1998	3,00	Khá	
183	16403086	Nguyễn Thị Quỳnh	20/7/1998	3,30	Giỏi	
184	16403091	Doãn Thị Thanh	03/01/1998	2,00	Trung bình	
185	16403095	Nguyễn Thị Thu Thảo	29/3/1998	2,70	Khá	
186	16403097	Trần Thị Thu Thảo	02/10/1998	2,30	Trung bình	
187	16403098	Võ Thị Thảo	06/6/1998	2,00	Trung bình	
188	16403100	Nguyễn Văn Thuận	30/10/1994	2,00	Trung bình	
189	16403102	Lê Thị Thanh Thủy	14/12/1998	2,30	Trung bình	
190	16403104	Nông Thị Thúy	10/02/1998	2,00	Trung bình	
191	16403105	Vương Thị Thúy	08/12/1997	2,00	Trung bình	
192	16403106	Trần Thị Thùy	13/12/1997	2,30	Trung bình	
193	16403107	Trần Thị Ngọc Thùy	03/01/1998	2,30	Trung bình	
194	16403110	Hà Thị Thủy Tiên	26/9/1998	2,00	Trung bình	
195	16403113	Lại Ngọc Mai Trang	12/11/1998	2,30	Trung bình	
196	16403114	Nguyễn Đặng Hà Trang	28/10/1998	2,00	Trung bình	
197	16403116	Nguyễn Thị Kim Trang	15/10/1998	2,30	Trung bình	
198	16403118	Phạm Thị Thùy Trang	09/10/1998	2,70	Khá	
199	16403121	Lê Thị Tuyết Trinh	16/6/1998	2,70	Khá	
200	16403123	Lữ Thị Trí	12/02/1998	2,00	Trung bình	
201	16403132	Nguyễn Bích Vân	17/02/1997	2,70	Khá	
202	16403133	Nguyễn Thị Thanh Vân	20/02/1998	2,00	Trung bình	
203	16403134	Phạm Thị Tuyết Vân	13/6/1998	2,00	Trung bình	
204	16403136	Võ Ngọc Hoàng Vũ	06/9/1998	2,70	Khá	
205	16403143	Nguyễn Thị Kim Dung	08/11/1998	2,00	Trung bình	
206	16403149	Phạm Thị Hồng Liên	09/5/1998	2,30	Trung bình	
207	16403150	Mông Thị Linh	07/10/1998	3,00	Khá	

(Tổng 30 sinh viên)

7. Lớp Kinh tế nông nghiệp K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
----	-------	-----------	-----------	----------	----------	---------

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
208	16401006	Nguyễn Thành Công	10/02/1998	2,30	Trung bình	
209	16401007	Nguyễn Văn Công	06/01/1998	3,00	Khá	
210	16401009	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	15/02/1997	3,00	Khá	
211	16401010	Lê Tiến Dũng	26/4/1998	3,30	Giỏi	
212	16401011	Trần Tấn Dũng	25/02/1997	2,70	Khá	
213	16401013	Nguyễn Minh Đức	14/01/1998	2,70	Khá	
214	16401015	Hà Thị Hằng	21/6/1998	3,30	Giỏi	
215	16401016	Lê Thị Hằng	13/9/1998	2,00	Trung bình	
216	16401020	Bùi Văn Hồng	19/3/1998	3,00	Khá	
217	16401022	Trần Thị Ánh Hồng	21/7/1998	2,30	Trung bình	
218	16401023	Đinh Gia Huân	03/3/1998	2,70	Khá	
219	16401024	Dương Thị Huyền	15/6/1998	2,70	Khá	
220	16401027	Cao Văn Hùng	10/8/1998	2,00	Trung bình	
221	16401028	H' Dương Niê Kdăm	12/11/1998	3,30	Giỏi	
222	16401029	Y Sang Niê Kdăm	23/5/1998	2,00	Trung bình	
223	16401032	Nguyễn Hoàng Lâm	28/6/1998	2,00	Trung bình	
224	16401037	Trần Văn Luyện	08/3/1997	2,70	Khá	
225	16401042	Nguyễn Nam	10/8/1998	2,70	Khá	
226	16401045	Đặng Thị Hồng Ngọc	06/9/1998	2,00	Trung bình	
227	16401048	Ma Yến Nhi	13/5/1998	3,00	Khá	
228	16401052	Nguyễn Văn Ninh	12/02/1998	2,30	Trung bình	
229	16401053	Đỗ Thị Hồng Oanh	13/8/1998	2,70	Khá	
230	16401056	Nguyễn Minh Phước	16/4/1997	2,30	Trung bình	
231	16401059	Lê Tấn Sang	21/5/1998	2,00	Trung bình	
232	16401062	Bùi Thị Sương	01/01/1998	3,00	Khá	
233	16401063	Phạm Mai Sỹ	18/10/1998	3,00	Khá	
234	16401075	Nguyễn Thành Trung	17/5/1994	2,70	Khá	
235	16401076	Nguyễn Thanh Trường	01/11/1997	3,70	Xuất sắc	
236	16401077	Nguyễn Thanh Tuấn	24/5/1998	3,30	Giỏi	
237	16401081	Nông Thanh Tuyền	17/7/1998	2,30	Trung bình	
238	16401082	Trần Thị Thanh Tuyền	14/12/1997	2,00	Trung bình	
239	16401083	Phạm Anh Văn	30/4/1997	2,70	Khá	
240	16401086	Nguyễn Ngọc Dương Cẩm	02/01/1998	2,30	Trung bình	
241	16401097	Trần Thị Thơ	27/6/1997	2,30	Trung bình	

(Tổng 34 sinh viên)

8. Lớp CĐ Quản trị KD K17

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
242	17360005	Phan Như Hiếu	28/11/1998	2,30	Trung bình	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
243	17360010	Nguyễn Quang Linh	12/8/1999	2,70	Khá	
244	17360011	Lê Thị Thảo Ly	16/01/1999	2,00	Trung bình	
245	17360021	Cao Thị Thuý	07/01/1999	2,30	Trung bình	
246	17360022	Nguyễn Thị Thúy	01/3/1999	2,00	Trung bình	
247	17360025	Nguyễn Ngọc Toàn	01/8/1996	2,70	Khá	
248	17360032	Nguyễn Thị Thùy Luynh	09/02/1998	2,00	Trung bình	

(Tổng 7 sinh viên)

9. Lớp CĐ Kế toán K17

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
249	17361001	Nguyễn Thị Lệ Bình	22/02/1999	2,30	Trung bình	
250	17361002	Bùi Thị Linh Chi	25/7/1999	2,30	Trung bình	
251	17361003	Hồ Thị Lệ Chi	30/01/1999	2,00	Trung bình	
252	17361004	Nguyễn Ngọc Diễm	04/7/1999	2,00	Trung bình	
253	17361006	Lê Thị Trà Giang	10/6/1999	2,30	Trung bình	
254	17361009	H. Nhôi Kbuôr	04/01/1999	2,00	Trung bình	
255	17361013	Hoàng Thị Tuyết Mai	08/01/1998	2,00	Trung bình	
256	17361015	Võ Thị Thu Ngà	09/6/1998	2,70	Khá	
257	17361016	Nguyễn Thị Thanh Ngân	19/9/1998	2,30	Trung bình	
258	17361017	Đoàn Thị Lan Nhi	18/8/1999	2,00	Trung bình	
259	17361021	H' Liê Niê	08/01/1999	2,70	Khá	
260	17361026	Lê Thị Trang	14/6/1999	2,30	Trung bình	

(Tổng 12 sinh viên)

Tổng cộng: 260 sinh viên

Phụ lục IV
DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA SƯ PHẠM] ĐÃ HOÀN THÀNH
MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT
(Kèm theo Quyết định số: 1101 /QĐ-ĐHTN ngày 15 tháng 6 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

1. Lớp Giáo dục mầm non K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	16903001	Phạm Thị Thúy An	15/4/1998	3,30	Giỏi	
2	16903002	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	13/02/1997	2,30	Trung bình	
3	16903003	Đặng Thị Tuyết Ánh	20/12/1998	3,00	Khá	
4	16903004	Kha Thị Ngọc Dân	25/10/1998	2,00	Trung bình	
5	16903005	Lê Thị Mỹ Duyên	23/8/1997	2,00	Trung bình	
6	16903006	Nguyễn Thị Duyên	22/11/1997	2,00	Trung bình	
7	16903007	Phan Thị Duyên	20/6/1990	2,00	Trung bình	
8	16903008	H Mong Êban	07/9/1998	2,30	Trung bình	
9	16903009	H' Đuên Ênuôl	15/10/1996	2,00	Trung bình	
10	16903011	Nguyễn Thị Hiền	20/10/1996	2,70	Khá	
11	16903012	Trần Thị Thu Hiền	24/7/1998	2,00	Trung bình	
12	16903014	Nguyễn Thị Hoa	27/8/1997	2,00	Trung bình	
13	16903015	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	03/3/1997	2,00	Trung bình	
14	16903017	Triệu Thị Hòa	15/6/1997	2,00	Trung bình	
15	16903018	Phạm Thị Hồng	18/11/1998	2,70	Khá	
16	16903019	Cao Thị Thanh Hương	25/6/1998	3,00	Khá	
17	16903020	Trần Thị Thanh Hương	16/9/1998	2,30	Trung bình	
18	16903021	H Ngót Knul	03/5/1996	2,00	Trung bình	
19	16903022	H' Rôyu Knul	01/11/1998	2,00	Trung bình	
20	16903023	Hoàng Thị Bích Lan	27/12/1998	2,00	Trung bình	
21	16903024	Từ Thị Kim Liên	18/10/1998	2,00	Trung bình	
22	16903027	Phạm Thị Minh	20/7/1998	2,00	Trung bình	
23	16903028	Nguyễn Thị Mỹ Nga	05/01/1998	2,00	Trung bình	
24	16903029	Nguyễn Thị Thu Nga	01/4/1996	2,00	Trung bình	
25	16903030	Nguyễn Thị Hồng Ngân	10/8/1998	2,30	Trung bình	
26	16903031	Nguyễn Thị Kim Ngân	01/01/1997	2,00	Trung bình	
27	16903032	Phan Thị Kim Ngân	02/01/1998	2,30	Trung bình	
28	16903033	Đặng Thị Ngọc	02/3/1998	2,00	Trung bình	
29	16903034	Trần Thảo Nguyên	15/01/1998	2,00	Trung bình	
30	16903035	Nguyễn Thị Nhân	20/9/1998	2,00	Trung bình	
31	16903038	Nguyễn Thị Hồng Nhung	16/8/1998	2,30	Trung bình	
32	16903039	H' Be Na Niê	30/8/1998	2,30	Trung bình	
33	16903040	H' Rô Za Niê	12/10/1997	2,70	Khá	
34	16903041	Vũ Thị Phương	24/02/1998	2,00	Trung bình	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
35	16903042	Nguyễn Thị Tâm	21/8/1998	2,70	Khá	
36	16903044	Bùi Thị Tho	26/7/1998	2,00	Trung bình	
37	16903047	Phan Thị Trang	21/4/1998	2,00	Trung bình	
38	16903048	Nguyễn Thị Trâm	10/10/1997	3,00	Khá	
39	16903050	Nguyễn Thị Hải Yến	15/4/1998	2,30	Trung bình	

(Tổng 39 sinh viên)

2. Lớp Giáo dục tiểu học K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
40	16901002	Hoàng Nguyễn Thị Ban	26/3/1998	2,30	Trung bình	
41	16901003	H Phi Byă	19/5/1997	3,30	Giỏi	
42	16901004	H' Diễm	13/3/1998	3,70	Xuất sắc	
43	16901005	Phạm Thị Dung	20/02/1998	3,00	Khá	
44	16901008	Nguyễn Thị Hương Giang	10/10/1997	3,00	Khá	
45	16901009	Đặng Thị Hà	09/3/1997	2,70	Khá	
46	16901010	Trần Thị Hải	22/8/1998	3,00	Khá	
47	16901012	Lê Thị Hằng	12/12/1997	2,30	Trung bình	
48	16901013	H' Mê Hmôk	13/3/1998	2,30	Trung bình	
49	16901014	Nguyễn Thị Huyền	06/3/1998	3,30	Giỏi	
50	16901016	Y Hương	03/5/1998	2,30	Trung bình	
51	16901019	Hoàng Thị Thùy Linh	23/4/1997	2,70	Khá	
52	16901021	Nguyễn Thị Trà My	14/5/1997	3,30	Giỏi	
53	16901023	Phạm Nguyễn Như Ngọc	19/11/1997	2,30	Trung bình	
54	16901024	Ngô Thị Ý Nhi	08/12/1997	2,00	Trung bình	
55	16901027	Đào Thị Kim Oanh	07/9/1996	3,70	Xuất sắc	
56	16901031	Hà Thị Thúy Quỳnh	05/7/1998	3,00	Khá	
57	16901033	Hồ Thị Phương Thảo	14/12/1997	2,30	Trung bình	
58	16901034	Nguyễn Thị Thủy	11/12/1998	2,70	Khá	
59	16901035	Hồ Thị Minh Thùy	02/11/1998	2,30	Trung bình	
60	16901036	Lê Thị Hoài Thương	25/8/1996	2,70	Khá	
61	16901038	Nông Thị Tiến	17/3/1998	3,70	Xuất sắc	
62	16901041	Hoàng Thị Trà	10/10/1998	2,30	Trung bình	
63	16901042	Nguyễn Lê Hồng Trinh	08/9/1997	2,30	Trung bình	
64	16901043	Phạm Thị Trinh	16/01/1997	2,70	Khá	
65	16901046	Đàm Thị Thu Uyên	26/7/1998	2,70	Khá	
66	16901048	Lê Thị Thu Vy	10/9/1998	3,30	Giỏi	

(Tổng 27 sinh viên)

3. Lớp Giáo dục TH-Tiếng Jrai K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
67	16902001	Hoàng Thị Kim Anh	20/6/1996	2,30	Trung bình	
68	16902003	Phan Thị Phương Anh	25/5/1998	3,00	Khá	
69	16902004	H' Đào Ayün	28/8/1998	2,30	Trung bình	
70	16902007	Đinh Thị Mỹ Duyên	05/11/1998	2,00	Trung bình	
71	16902009	H' Bì Êñuôl	26/7/1998	2,30	Trung bình	
72	16902010	H' Ly Êñuôl	20/11/1998	2,70	Khá	
73	16902011	Lê Thị Hà	07/9/1998	2,00	Trung bình	
74	16902012	H' Ly Na Hmők	26/4/1998	2,30	Trung bình	
75	16902013	Rmah H' Hoa	30/7/1997	2,70	Khá	
76	16902017	Huỳnh Thị Hốp	10/11/1997	2,70	Khá	
77	16902018	Dương Thị Khánh Huyền	16/9/1997	3,70	Xuất sắc	
78	16902020	Mai Thị Hường	19/6/1998	2,00	Trung bình	
79	16902021	H' Ség Phéng Kbuôr	14/10/1997	2,00	Trung bình	
80	16902022	Nay Khim	20/7/1997	3,70	Xuất sắc	
81	16902027	H Rim Mlô	26/6/1997	2,30	Trung bình	
82	16902028	H' Tiên H' Mők	17/10/1998	2,30	Trung bình	
83	16902029	Ksor Ngoan	12/12/1997	3,30	Giỏi	
84	16902031	Ksor H' Nguồn	03/01/1998	2,70	Khá	
85	16902032	Lê Thị Hồng Nhung	19/5/1997	3,00	Khá	
86	16902036	Nguyễn Hoàng Như Quỳnh	28/01/1998	3,00	Khá	
87	16902037	Liêng Hót De Bô Ra	13/10/1997	2,70	Khá	
88	16902038	Hoàng Thị Thảo	19/5/1998	2,70	Khá	
89	16902039	Nguyễn Thị Thơm	24/4/1997	2,70	Khá	
90	16902040	Đinh Thị Thủy Trang	29/3/1997	2,70	Khá	
91	16902041	Nguyễn Thị Thủy Trang	03/3/1998	2,30	Trung bình	
92	16902043	Puìh H' Yuen	23/12/1998	2,30	Trung bình	

(Tổng 26 sinh viên)

4. Lớp SP Ngữ văn K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
93	16601005	Trần Thị Lệ Duyên	09/5/1998	2,00	Trung bình	
94	16601006	Hoàng Thị Hương Giang	07/7/1998	3,00	Khá	
95	16601009	Nguyễn Thị Hằng	27/6/1998	2,30	Trung bình	
96	16601011	Trần Thị Thanh Hiếu	26/01/1998	2,30	Trung bình	
97	16601012	Trần Trung Hiếu	01/7/1997	2,30	Trung bình	
98	16601013	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	11/11/1998	2,30	Trung bình	
99	16601014	Phùng Thị Hương	30/5/1998	2,30	Trung bình	
100	16601016	Đào Minh Khánh	13/3/1998	2,00	Trung bình	
101	16601017	H Luyn Krông	18/4/1998	2,00	Trung bình	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
102	16601026	Hoàng Thị Ngoan	07/02/1998	2,70	Khá	
103	16601027	Lê Thị Hồng Nhung	12/4/1998	2,30	Trung bình	
104	16601028	H' Bé Niê	05/5/1998	2,00	Trung bình	
105	16601029	H' Eo Niê	06/02/1996	2,70	Khá	
106	16601030	H' Ép Niê	18/11/1998	2,00	Trung bình	
107	16601031	H' Bạch Ênuôi	06/4/1998	2,30	Trung bình	
108	16601038	Võ Thị Thêm	28/11/1998	2,30	Trung bình	
109	16601040	Nguyễn Thị Thuý	15/8/1998	2,30	Trung bình	
110	16601045	Huỳnh Đặng Phương Trâm	09/8/1998	2,70	Khá	

(Tổng 18 sinh viên)

5. Lớp Văn học K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
111	16606007	Y - Yôn Dĩnh	05/8/1998	3,30	Giỏi	
112	16606012	H Era Ênuôi	05/3/1998	3,70	Xuất sắc	
113	16606019	H' Duyên H'Đỗk	24/7/1998	3,00	Khá	
114	16606021	Trần Thị Thảo Hiền	09/12/1997	2,30	Trung bình	
115	16606026	H' Yup - Knul	12/02/1997	3,00	Khá	
116	16606028	Sùng Văn Lê	28/01/1997	2,70	Khá	
117	16606031	Lương Thị Kim Ngân	05/10/1998	3,30	Giỏi	
118	16606036	Lê Thị Như	26/6/1998	3,70	Xuất sắc	
119	16606037	H' Mê Li Niê	27/01/1997	3,30	Giỏi	
120	16606042	Phạm Thị Bích Phương	03/6/1998	2,70	Khá	
121	16606045	Đoàn Thị Thu Thảo	15/8/1998	2,30	Trung bình	
122	16606048	Nguyễn Bùi Ngọc Thủy	02/9/1997	3,30	Giỏi	
123	16606049	Nguyễn Thị Anh Thư	12/10/1998	2,70	Khá	
124	16606059	H' Mi Buôn Yă	20/01/1998	3,30	Giỏi	
125	16606065	Siu Lăn	10/02/1998	3,00	Khá	
126	16606068	Phan Thị Trinh	16/4/1998	2,30	Trung bình	
127	16606070	Nguyễn Thị Hải Yến	26/10/1998	2,70	Khá	

(Tổng 17 sinh viên)

Tổng cộng: 127 sinh viên

7/11

Phụ lục V
DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ ĐÃ HOÀN THÀNH
MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT
(Kèm theo Quyết định số: 1101 /QĐ-ĐHTN ngày 15 tháng 6 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

1. Lớp Giáo dục chính trị K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	15604053	Trần Minh Toàn	04/10/1997	2,00	Trung bình	
2	16604001	H Quynh Bkrông	22/01/1998	2,70	Khá	
3	16604002	H' Danh Ayun	12/02/1998	2,70	Khá	
4	16604005	H' Lâu Ra Byă	10/01/1998	2,00	Trung bình	
5	16604006	H' Luom Byă	02/02/1998	2,30	Trung bình	
6	16604007	Vương Thị Cảnh	29/5/1996	2,30	Trung bình	
7	16604014	H Thảo H Đők	20/3/1998	2,70	Khá	
8	16604016	Đàm Thị Hạnh	16/9/1998	2,00	Trung bình	
9	16604022	H' Zuyn Kbuôr	08/7/1998	2,00	Trung bình	
10	16604027	H' Dương Kpor	03/11/1998	2,00	Trung bình	
11	16604030	Bùi Thị Lộc	28/01/1996	3,30	Giỏi	
12	16604033	Chu Thị Minh	08/01/1998	2,00	Trung bình	
13	16604034	Y Hưng Mlô	22/9/1998	3,70	Xuất sắc	
14	16604036	Trần Thị Hồng Nhung	18/8/1998	2,00	Trung bình	
15	16604040	Đỗ Hữu Phước	11/8/1994	3,00	Khá	
16	16604042	K Phước	15/12/1998	2,00	Trung bình	
17	16604043	Nay Quang	13/7/1995	3,00	Khá	
18	16604044	Trần Phạm Mĩ Quỳnh	12/11/1997	2,30	Trung bình	
19	16604053	Nguyễn Thị Kiều Trang	23/10/1998	2,00	Trung bình	
20	16604057	Trần Thị Hồng Vân	29/8/1997	3,00	Khá	
21	16604065	Y Giuk Niê	20/9/1998	2,00	Trung bình	

(Tổng 21 sinh viên)

2. Lớp Triết học K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
22	16608002	Lê Thanh Cảnh	09/5/1997	2,00	Trung bình	
23	16608003	Y Gáo Êung	16/12/1996	4,00	Xuất sắc	
24	16608005	Nguyễn Thị Thu Hạ	30/11/1998	2,70	Khá	
25	16608011	Liêng Hót K' Nguyệt	12/11/1996	3,70	Xuất sắc	
26	16608012	H Blim Niê	09/10/1997	2,30	Trung bình	
27	16608015	Trần Thị Nữ	02/12/1998	2,70	Khá	
28	16608019	Hà Thị Kim Thu	05/02/1998	2,30	Trung bình	
29	16608022	Ngô Minh Tú	21/8/1996	3,00	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
30	16608024	Lê Minh Vương	10/01/1997	2,30	Trung bình	
31	16608025	Nguyễn Văn Thịnh	12/12/1997	2,70	Khá	

(Tổng 10 sinh viên)

Tổng cộng: 31 sinh viên

xy

Phụ lục VI
DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA NGOẠI NGỮ ĐÃ HOÀN THÀNH
MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT
(Kèm theo Quyết định số: 1101 /QĐ-DHTN ngày 15 tháng 6 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

1. Lớp SP Tiếng Anh K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	16701002	Nguyễn Văn Anh	25/6/1998	3,00	Khá	
2	16701004	Nguyễn Bảo Châu	01/10/1998	2,00	Trung bình	
3	16701006	Hà Thị Tuyết Diệu	19/10/1997	2,00	Trung bình	
4	16701009	Huỳnh Thị Duyên	05/7/1998	2,00	Trung bình	
5	16701011	Mai Thị Giang	04/11/1998	2,30	Trung bình	
6	16701014	Phạm Thị Thu Hà	10/3/1998	2,70	Khá	
7	16701015	Ma Trần Như Hào	15/02/1998	2,00	Trung bình	
8	16701016	Nguyễn Thị Nhật Hạ	10/10/1998	3,00	Khá	
9	16701018	Trần Thị Bích Hạnh	06/5/1998	2,00	Trung bình	
10	16701019	Bùi Thị Tú Huyền	15/12/1997	2,30	Trung bình	
11	16701020	Ngô Thị Thu Hương	11/3/1998	2,00	Trung bình	
12	16701021	Nguyễn Thị Mai Lan	19/12/1998	2,30	Trung bình	
13	16701022	Hoàng Phương Linh	23/7/1998	2,70	Khá	
14	16701023	Lê Hoàng Linh	17/01/1998	2,00	Trung bình	
15	16701025	Trần Thị Thảo Linh	16/9/1997	3,00	Khá	
16	16701026	Mai Thị Yến Lộc	04/02/1998	2,30	Trung bình	
17	16701027	Vũ Thị Luyến	27/3/1998	2,00	Trung bình	
18	16701028	Trần Thị Ý Ngân	01/5/1998	2,00	Trung bình	
19	16701029	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	13/10/1998	2,30	Trung bình	
20	16701030	Nguyễn Thụy Bích Ngọc	05/02/1998	2,00	Trung bình	
21	16701032	Nguyễn Thị Ái Nhi	20/11/1998	2,30	Trung bình	
22	16701033	Đinh Thị Tuyết Nhung	18/11/1997	2,70	Khá	
23	16701036	Hồ Thị Phương	30/8/1998	3,00	Khá	
24	16701037	Lê Thanh Phương	17/9/1997	2,00	Trung bình	
25	16701038	Vũ Thị Phương	10/7/1997	2,70	Khá	
26	16701039	Dương Thị Phương	27/11/1997	2,70	Khá	
27	16701042	Lê Thị Thu Thảo	28/02/1998	2,30	Trung bình	
28	16701044	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	30/8/1998	2,00	Trung bình	
29	16701045	Trần Ngọc Thủy Tiên	25/01/1998	2,30	Trung bình	
30	16701046	Nguyễn Thị Kiều Trinh	15/7/1998	2,00	Trung bình	
31	16701047	Đinh Thị Trinh Tuyết	22/3/1998	2,00	Trung bình	
32	16701048	Trần Thị Anh Tú	01/9/1998	2,70	Khá	
33	16701049	Vũ Thị Thu Uyên	01/3/1998	2,30	Trung bình	
34	16701050	Liêng Hót Ha Chiến	02/9/1997	3,70	Xuất sắc	

(Tổng 34 sinh viên)

2. Lớp Ngôn ngữ Anh K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
35	16702005	H' Uí Bđap	19/5/1997	2,30	Trung bình	
36	16702010	Nguyễn Phạm Thùy Dương	26/8/1997	2,00	Trung bình	
37	16702011	Nông Thị Đào	27/3/1997	2,00	Trung bình	
38	16702013	Đinh Thị Hương Giang	16/01/1998	3,70	Xuất sắc	
39	16702016	Đỗ Thị Thu Hiền	06/11/1997	2,30	Trung bình	
40	16702017	Hoàng Thị Thanh Hiền	04/11/1998	2,70	Khá	
41	16702019	Phạm Văn Hòa	01/9/1996	2,70	Khá	
42	16702022	Nguyễn Lê Huyền	20/01/1995	2,70	Khá	
43	16702027	Nguyễn Thị Thùy Linh	24/9/1998	3,70	Xuất sắc	
44	16702029	Trần Thị Mỹ Linh	27/7/1998	2,00	Trung bình	
45	16702031	Phạm Thị Loan	02/10/1998	2,70	Khá	
46	16702032	Phùng Thị Bích Loan	15/8/1998	2,70	Khá	
47	16702033	Nguyễn Phi Long	24/02/1998	2,00	Trung bình	
48	16702034	Lưu Thị Lương	26/9/1998	2,70	Khá	
49	16702036	Hà My	08/01/1998	2,00	Trung bình	
50	16702039	Đặng Thị Bảo Ngân	14/11/1998	3,00	Khá	
51	16702041	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	12/9/1996	2,70	Khá	
52	16702043	Phạm Thị Quỳnh Nhi	22/11/1998	2,70	Khá	
53	16702045	Lê Thị Thanh Nhung	18/01/1998	3,00	Khá	
54	16702046	Trần Thị Tuyết Nhung	22/6/1993	2,30	Trung bình	
55	16702047	Lê Thị Phương	14/8/1998	2,30	Trung bình	
56	16702049	Nguyễn Hoàng Nam Phương	10/12/1998	3,00	Khá	
57	16702050	Trần Thị Phương	02/11/1998	3,30	Giỏi	
58	16702054	Nguyễn Anh Sơn	05/6/1998	3,70	Xuất sắc	
59	16702055	Vũ Thị Minh Tâm	28/8/1998	3,00	Khá	
60	16702056	Nguyễn Thị Như Thanh	19/7/1998	3,30	Giỏi	
61	16702061	Phan Thị Phương Hồng Thủy	10/12/1996	2,30	Trung bình	
62	16702065	Nguyễn Thị Thanh Thương	09/12/1997	2,70	Khá	
63	16702066	Lê Nguyễn Huyền Trang	11/4/1998	2,30	Trung bình	
64	16702068	Lê Trần Thanh Trâm	23/4/1998	2,70	Khá	
65	16702070	Trần Thành Trung	15/7/1996	3,00	Khá	
66	16702072	Đoàn Thị Bích Vân	13/01/1998	2,00	Trung bình	
67	16702074	Lâm Yến Vi	18/8/1998	2,30	Trung bình	
68	16702078	Phạm Thị Ngọc Ý	09/6/1998	3,00	Khá	
69	16702079	Lý Thị Phương Lan	15/7/1997	2,70	Khá	

(Tổng 35 sinh viên)

Tổng cộng: 69 sinh viên

Phụ lục VII
DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA CHĂN NUÔI - THÚ Y ĐÃ HOÀN THÀNH
MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT

(Kèm theo Quyết định số: 1101 /QĐ-ĐHTN ngày 15 tháng 6 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

1. Lớp Thú y K15

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	13305113	Phạm Hoàng Vũ	29/9/1994	2,00	Trung bình	
2	14305039	Trần Thị Thủy Kiều	20/12/1996	2,30	Trung bình	
3	14305046	Phạm Phú Linh	26/02/1996	2,30	Trung bình	
4	15305002	Mơ Tui Mau Dam Cảnh	14/9/1997	3,30	Giỏi	
5	15305003	Đinh Thị Diệu	01/3/1997	2,70	Khá	
6	15305004	Nguyễn Thị Dịu	30/8/1997	3,00	Khá	
7	15305005	Nguyễn Tiến Dũng	14/11/1997	2,00	Trung bình	
8	15305007	Nguyễn Anh Đài	29/3/1997	2,70	Khá	
9	15305010	Bùi Thị Thu Hà	10/11/1997	2,30	Trung bình	
10	15305011	Lục Văn Hải	23/02/1996	2,70	Khá	
11	15305012	Hà Thị Hạnh	16/12/1997	2,00	Trung bình	
12	15305013	Nguyễn Thị Mỹ Hậu	20/02/1997	2,00	Trung bình	
13	15305014	Trần Trung Hiếu	16/11/1997	2,70	Khá	
14	15305016	Trịnh Văn Hiệp	01/02/1997	3,00	Khá	
15	15305017	Nguyễn Thị Hoa	16/12/1996	2,30	Trung bình	
16	15305019	Trần Hiệp Hòa	01/01/1996	3,00	Khá	
17	15305020	Bùi Thị Ánh Hồng	28/10/1997	2,30	Trung bình	
18	15305021	Nông Thị Bích Hợp	09/8/1997	2,70	Khá	
19	15305022	Siu Hreh	15/9/1997	3,00	Khá	
20	15305023	A Huk	23/9/1996	3,70	Xuất sắc	
21	15305024	Nguyễn Thị Lan Hương	01/01/1997	3,00	Khá	
22	15305025	Phạm Duy Khánh	03/3/1996	2,00	Trung bình	
23	15305026	H Đuét Ksor	06/6/1996	3,30	Giỏi	
24	15305028	Bàn Thị Len	20/10/1997	2,70	Khá	
25	15305029	Võ Thanh Long	12/5/1997	3,30	Giỏi	
26	15305030	Trịnh Văn Lợi	20/01/1997	3,00	Khá	
27	15305031	Trịnh Thị Lý	20/10/1997	3,00	Khá	
28	15305033	Hoàng Văn Minh	08/8/1997	2,30	Trung bình	
29	15305034	Phạm Thị Ngọc My	22/8/1996	2,30	Trung bình	
30	15305035	Hoàng Nguyệt Nga	19/02/1997	2,30	Trung bình	
31	15305036	Huỳnh Công Nghĩa	02/02/1997	2,30	Trung bình	
32	15305037	Trần Tấn Nguyên	28/9/1997	2,70	Khá	
33	15305038	Lê Thị Như Nhung	26/8/1996	2,30	Trung bình	
34	15305044	Nguyễn Văn Phúc	19/7/1996	2,70	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
35	15305045	Ngô Thị Lệ Phương	02/6/1997	2,70	Khá	
36	15305047	Đào Thị Phượng	20/7/1997	3,00	Khá	
37	15305048	Nguyễn Như Quý	30/4/1997	2,30	Trung bình	
38	15305049	Nguyễn Trần Phúc Quỳnh	02/3/1997	2,70	Khá	
39	15305050	Sùng A Sơ	25/8/1994	2,30	Trung bình	
40	15305051	Nguyễn Thị Tâm	02/5/1997	3,00	Khá	
41	15305052	Hoàng Thị Thu Thảo	21/02/1997	2,00	Trung bình	
42	15305053	Phạm Ngọc Thắng	31/10/1996	2,70	Khá	
43	15305054	Phan Triệu Thân	15/02/1995	3,00	Khá	
44	15305055	Huỳnh Văn Thuận	29/7/1996	3,00	Khá	
45	15305057	Lê Duy Thúc	18/8/1994	2,70	Khá	
46	15305058	Võ Duy Tòng	26/01/1997	2,70	Khá	
47	15305059	Nguyễn Thị Trang	08/7/1997	3,00	Khá	
48	15305060	Châu Gia Trân	22/01/1997	2,30	Trung bình	
49	15305061	Trần Thị Thanh Tuyền	03/9/1997	2,00	Trung bình	
50	15305063	Nguyễn Thị Hải Yến	01/12/1996	2,70	Khá	
51	15305064	Liêng Hót Ha Sung	09/7/1994	3,30	Giỏi	
52	15305066	Lư Văn Linh	18/8/1996	2,70	Khá	
53	15305067	Bùi Văn Đệ	20/9/1996	3,00	Khá	
54	15305070	Võ Thị Thu Sinh	21/02/1997	3,00	Khá	
55	15305071	Lê Thị Thảo	02/4/1997	2,30	Trung bình	
56	15305072	Phạm Đình Thông	07/4/1996	2,00	Trung bình	
57	15305076	Lê Thị Mỹ Trâm	12/3/1997	3,00	Khá	

(Tổng 57 sinh viên)

2. Lớp CN - Thú y K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
58	16304001	Hòa Thị Vân Anh	12/5/1998	3,70	Xuất sắc	
59	16304002	Hồ Thị Kim Anh	02/4/1997	2,30	Trung bình	
60	16304004	Nguyễn Huy Chân	20/7/1998	2,00	Trung bình	
61	16304005	Nguyễn Thị Chinh	02/11/1997	2,30	Trung bình	
62	16304008	Tạ Thành Danh	27/6/1998	2,00	Trung bình	
63	16304014	Dương Quang Đức	19/11/1998	2,30	Trung bình	
64	16304015	Đoàn Anh Đức	28/9/1997	2,00	Trung bình	
65	16304022	Lê Ngọc Hòa	05/01/1998	2,30	Trung bình	
66	16304023	Nay H'Quyên	07/5/1998	2,70	Khá	
67	16304024	Trương Dương Thị Huệ	26/4/1998	2,30	Trung bình	
68	16304032	Vũ Thị Linh	10/9/1998	2,00	Trung bình	
69	16304033	Hà Thị Loan	27/6/1998	2,30	Trung bình	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
70	16304034	Nguyễn Đồng Nhất Lý	07/3/1998	2,00	Trung bình	
71	16304040	H' Yên Niê	26/8/1998	2,00	Trung bình	
72	16304041	Lê Cảnh Phát	26/6/1996	2,00	Trung bình	
73	16304043	Trần Văn Phụng	10/6/1998	3,00	Khá	
74	16304044	Nguyễn Thị Ngọc Phương	18/3/1997	2,70	Khá	
75	16304046	Nguyễn Văn Tài	16/5/1998	2,70	Khá	
76	16304047	Nguyễn Thị Thanh Thanh	25/5/1998	2,00	Trung bình	
77	16304051	Lê Phước Thiện	06/11/1998	2,30	Trung bình	
78	16304052	Đặng Thành Thịnh	23/9/1997	2,00	Trung bình	
79	16304053	Hoàng Đức Thọ	21/4/1998	3,00	Khá	
80	16304056	Nguyễn Thị Thủy	14/9/1998	2,00	Trung bình	
81	16304057	Phan Thị Vân Thương	24/10/1998	2,30	Trung bình	
82	16304058	Phan Thị Thanh Tinh	10/8/1998	2,70	Khá	
83	16304065	Trương Công Vàng	03/7/1998	2,30	Trung bình	
84	16304068	Hoàng Thị Xuân	10/3/1998	2,30	Trung bình	
85	16304069	Nguyễn Thị Xuân	03/9/1998	2,70	Khá	
86	16304070	Lương Hải Yến	11/8/1998	2,00	Trung bình	
87	16304071	Rcom Xung	09/7/1995	3,00	Khá	
88	16304080	Trần Thị Dương Thảo	15/8/1997	2,70	Khá	

(Tổng 31 sinh viên)

Tổng cộng: 88 sinh viên

Phụ lục VIII
DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ
HOÀN THÀNH MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT

(Kèm theo Quyết định số: 1101 /QĐ-ĐHTN ngày 15 tháng 6 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

1. Lớp SP Toán học K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	16101001	Nguyễn Thúy An	19/8/1996	2,70	Khá	
2	16101002	Nguyễn Hoàng Anh	10/3/1998	2,30	Trung bình	
3	16101003	Nguyễn Kim Anh	10/3/1998	2,00	Trung bình	
4	16101004	Trương Thị Kiều Anh	11/3/1998	2,30	Trung bình	
5	16101006	Đậu Chí Cường	23/10/1998	3,00	Khá	
6	16101009	Nguyễn Công Duẩn	22/01/1998	3,00	Khá	
7	16101010	Lãnh Triệu Hồng Duyên	01/11/1998	2,30	Trung bình	
8	16101012	Cù Hoàng Đạt	11/01/1998	2,70	Khá	
9	16101013	Trương Thị Ngọc Diệp	20/3/1998	3,00	Khá	
10	16101015	H Siêu Êban	25/9/1998	2,30	Trung bình	
11	16101016	Tạ Thị Hằng	13/6/1997	3,00	Khá	
12	16101018	Lê Chí Hiếu	30/01/1998	2,30	Trung bình	
13	16101020	Quách Thị Phúc Huyền	30/10/1997	2,30	Trung bình	
14	16101021	Trương Thị Quỳnh Hương	06/10/1997	2,30	Trung bình	
15	16101023	Nguyễn Thị Kiên	17/01/1996	3,30	Giỏi	
16	16101024	Trần Thị La	16/7/1997	2,70	Khá	
17	16101025	Nguyễn Thị Lài	14/4/1998	3,30	Giỏi	
18	16101028	Nguyễn Thị Thủy Linh	01/02/1997	4,00	Xuất sắc	
19	16101030	Lê Thị Khánh Ly	02/10/1997	2,30	Trung bình	
20	16101034	Nguyễn Hồng Nhung	13/9/1998	2,30	Trung bình	
21	16101035	Trần Anh Pha	16/9/1998	2,30	Trung bình	
22	16101039	Hồ Thị Phương Thảo	26/8/1998	2,70	Khá	
23	16101042	Lưu Thị Lệ Thu	04/01/1998	2,30	Trung bình	
24	16101043	Trần Hoài Thu	30/10/1996	3,00	Khá	
25	16101044	Nguyễn Thị Thanh Thủy	03/5/1998	2,30	Trung bình	
26	16101045	Nguyễn Thị Thanh Thư	13/4/1998	2,30	Trung bình	
27	16101046	Nguyễn Thị Thanh Thư	10/01/1997	2,30	Trung bình	
28	16101047	Nguyễn Trung Tín	23/5/1998	3,00	Khá	
29	16101049	Vũ Thị Kim Trang	23/8/1997	2,30	Trung bình	
30	16101050	Phạm Ngọc Trâm	09/7/1998	2,30	Trung bình	
31	16101053	Nguyễn Phùng Xuân Vũ	21/8/1998	3,00	Khá	

(Tổng 31 sinh viên)

2. Lớp SP Vật lý K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
32	16102005	Trần Văn Chung	24/01/1997	2,30	Trung bình	
33	16102008	Nguyễn Văn Dương	22/6/1998	3,00	Khá	
34	16102010	Nguyễn Tiến Đồng	01/12/1998	2,30	Trung bình	
35	16102011	Đỗ Thị Út Giang	08/6/1998	2,70	Khá	
36	16102014	Phạm Thị Hiền	23/7/1997	3,70	Xuất sắc	
37	16102016	Nguyễn Thị Thu Hương	22/01/1996	3,30	Giỏi	
38	16102017	Vì Văn Hữu	30/12/1995	2,30	Trung bình	
39	16102019	Phạm Thị Lài	17/12/1998	2,70	Khá	
40	16102024	Lê Thị Thảo Nguyên	13/01/1998	3,00	Khá	
41	16102027	Trần Thị Phương Nhung	09/01/1998	4,00	Xuất sắc	
42	16102031	Nguyễn Thị Tâm	04/10/1998	3,00	Khá	
43	16102033	Phạm Thanh Tâm	25/6/1998	3,00	Khá	
44	16102037	Nguyễn Thị Thắm	17/7/1997	3,00	Khá	
45	16102039	Phan Thị Bích Thủy	27/8/1998	2,70	Khá	
46	16102041	Hồ Nguyễn Phương Trinh	02/3/1998	2,70	Khá	
47	16102042	Hoàng Mạnh Tùng	09/7/1998	2,70	Khá	
48	16102043	Vũ Thị Phương Uyên	08/11/1998	2,30	Trung bình	

(Tổng 17 sinh viên)

3. Lớp SP Hóa học K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
49	16104001	Lê Thị Hoàng Anh	10/02/1998	2,00	Trung bình	
50	16104002	Phạm Hoàng Anh	16/10/1998	2,30	Trung bình	
51	16104006	Nguyễn Thị Thanh Bình	22/3/1998	2,70	Khá	
52	16104007	Lê Thị Khánh Dung	12/11/1998	2,30	Trung bình	
53	16104010	Bùi Thị Hà	02/10/1997	2,30	Trung bình	
54	16104011	Từ Ngọc Hải	06/12/1997	2,30	Trung bình	
55	16104012	Nông Thị Thu Hằng	04/8/1998	2,00	Trung bình	
56	16104014	H' Iểu Hmők	07/5/1998	2,30	Trung bình	
57	16104015	Nguyễn Thị Lan Hương	25/11/1998	2,00	Trung bình	
58	16104017	Thiều Thị Hoàng Lan	15/11/1998	2,30	Trung bình	
59	16104018	Nguyễn Thị Ngọc Minh	17/12/1998	2,00	Trung bình	
60	16104021	Mai Trần Như Ngọc	23/9/1998	2,30	Trung bình	
61	16104026	Vũ Thị Kim Nhung	18/12/1997	2,30	Trung bình	
62	16104029	Hoàng Nhân Phúc	18/10/1998	2,70	Khá	
63	16104031	Nguyễn Đức Anh Quốc	15/10/1998	2,00	Trung bình	
64	16104037	Nguyễn Hòa Thanh	01/02/1996	3,00	Khá	
65	16104040	Nguyễn Thị Thu Thảo	03/7/1998	2,30	Trung bình	
66	16104042	Huỳnh Thị Thuận	04/8/1997	2,00	Trung bình	
67	16104044	Mai Thị Trang	25/02/1995	2,00	Trung bình	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
68	16104046	Tổng Thị Tôn Trang	02/8/1998	2,00	Trung bình	
69	16104048	Dương Hoàng Phương Uyên	21/4/1998	2,30	Trung bình	
70	16104049	Trần Hải Yến	29/5/1998	2,00	Trung bình	
71	16104050	Trịnh Phi Long	12/7/1997	2,70	Khá	

(Tổng 23 sinh viên)

4. Lớp SP Sinh học K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
72	16301002	Hoàng Thị Ngọc Bích	19/6/1997	2,30	Trung bình	
73	16301005	Hồ Văn Chiến	05/5/1998	3,70	Xuất sắc	
74	16301007	Trần Thị Thùy Dung	10/9/1996	2,00	Trung bình	
75	16301022	Nguyễn Lê Nhật Lam	03/10/1997	3,30	Giỏi	
76	16301028	Bùi Thị Thảo Ngân	02/02/1998	2,00	Trung bình	
77	16301030	Trương Thị Kim Ngân	16/01/1998	2,70	Khá	
78	16301038	Huỳnh Thị Phúc	04/4/1998	2,70	Khá	
79	16301043	Nguyễn Thị Hồng Thơm	30/10/1998	2,70	Khá	
80	16301044	Dương Thị Thủy	04/5/1998	3,30	Giỏi	
81	16301046	Nguyễn Thị Huyền Trang	05/10/1998	3,70	Xuất sắc	

(Tổng 10 sinh viên)

5. Lớp Sinh học K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
82	16310001	H' Jiêm Ayün	25/01/1997	2,30	Trung bình	
83	16310019	Mai Văn Sang	26/4/1997	2,30	Trung bình	
84	16310022	Nguyễn Thị Bích Thủy	05/9/1998	2,30	Trung bình	
85	16310027	H Loan Niê	25/3/1997	2,00	Trung bình	

(Tổng 4 sinh viên)

6. Lớp Công nghệ sinh học K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
86	16313009	Lê Thị Thanh Diệu	13/7/1998	2,00	Trung bình	
87	16313022	Bùi Thị Bích Huyền	11/02/1998	2,30	Trung bình	
88	16313026	Bùi Thị Hương	28/5/1998	2,30	Trung bình	
89	16313031	Nguyễn Thị Ngọc Lan	20/6/1998	2,30	Trung bình	
90	16313043	Trần Ái Nhi	08/3/1998	2,30	Trung bình	
91	16313044	Nguyễn Thị Oanh	20/10/1998	2,00	Trung bình	
92	16313052	Nguyễn Thị Kim Quanh	16/8/1998	2,00	Trung bình	
93	16313054	Phạm Thị Như Quỳnh	16/3/1998	2,00	Trung bình	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
94	16313056	Rmah Seo	03/3/1997	3,30	Giỏi	
95	16313070	Đặng Mỹ Uyên	11/8/1998	2,30	Trung bình	
96	16313075	Huỳnh Ngọc Vy	27/11/1998	2,30	Trung bình	
97	16313077	Nguyễn Thị Xuân	19/9/1998	2,30	Trung bình	
98	16313095	Nguyễn Thảo Vân	16/02/1998	2,30	Trung bình	
99	16313097	Đỗ Thị Thu Hà	14/02/1998	2,30	Trung bình	

(Tổng 14 sinh viên)

7. Lớp Công nghệ thông tin K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
100	16103003	Đỗ Ngọc Anh	28/5/1998	2,70	Khá	
101	16103013	Vương Đức Trung Dũng	23/10/1997	2,00	Trung bình	
102	16103016	Hoàng Nhân Đích	15/6/1998	2,70	Khá	
103	16103017	Trần Công Đoàn	26/12/1998	2,70	Khá	
104	16103019	Hoàng Văn Hành	05/02/1998	2,00	Trung bình	
105	16103020	Nguyễn Duy Hải	03/4/1998	3,00	Khá	
106	16103041	Hoàng Văn Lương	03/5/1998	3,00	Khá	
107	16103045	Hoàng Ngọc Minh	30/7/1996	2,30	Trung bình	
108	16103050	Ngọc Xuân Nguyên	10/10/1998	3,30	Giỏi	
109	16103052	Nguyễn Phi Nhung	17/11/1998	2,00	Trung bình	
110	16103053	Y- Doanh Niê	01/5/1998	2,00	Trung bình	
111	16103055	Lã Song Phi	05/10/1998	2,30	Trung bình	
112	16103061	R' Ô H' Pia	06/5/1998	2,30	Trung bình	
113	16103067	Triệu Văn Thái	25/3/1997	3,00	Khá	
114	16103079	Lê Ngọc Vĩnh Triều	12/4/1998	3,30	Giỏi	
115	16103080	Trần Tấn Trọng	19/11/1998	2,30	Trung bình	
116	16103081	Đào Đức Trung	28/9/1996	2,00	Trung bình	
117	16103083	Bùi Nhật Trường	09/4/1998	2,00	Trung bình	
118	16103092	Lê Thị Anh Đào	19/9/1991	2,30	Trung bình	

(Tổng 19 sinh viên)

8. Lớp Công nghệ kỹ thuật MT K16

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
119	16504007	H' Thanh Ânưôi	15/4/1998	2,00	Trung bình	
120	16504010	Trương Thị Thanh Hằng	02/01/1998	2,30	Trung bình	
121	16504012	Cám Thị Minh Hòa	28/01/1998	2,00	Trung bình	
122	16504015	Vũ Đức Huy	08/6/1997	2,00	Trung bình	
123	16504017	Y Khuân Niê Kdăm	01/9/1997	3,70	Xuất sắc	
124	16504021	Lê Quang Long	28/6/1998	2,30	Trung bình	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
125	16504027	Phạm Thị Ánh Ngọc	06/7/1997	2,30	Trung bình	
126	16504032	Nguyễn Thị Thùy Nhung	21/6/1998	2,30	Trung bình	
127	16504033	Lê Thị Kiều Oanh	14/3/1998	2,30	Trung bình	
128	16504038	Nguyễn Duy Sơn	19/12/1998	2,70	Khá	
129	16504039	Trần Thị Lệ Thắm	01/12/1997	2,00	Trung bình	
130	16504042	Nguyễn Thị Thắm	26/02/1998	2,30	Trung bình	
131	16504047	Lê Hoàng Anh Trang	05/01/1998	2,70	Khá	
132	16504049	Phan Thị Huyền Trang	09/3/1998	3,70	Xuất sắc	
133	16504052	Nay H' Uil	07/6/1994	2,30	Trung bình	
134	16504056	Bùi Thị Hải Yến	19/8/1993	2,30	Trung bình	
135	16504057	Trần Lan Uyên	03/8/1998	2,70	Khá	
136	16504058	Lê Phan Hoàng Vũ	18/3/1998	3,00	Khá	
137	16504059	Trần Trung Nguyên	13/02/1997	2,00	Trung bình	

(Tổng 19 sinh viên)

Tổng cộng: 137 sinh viên *TV*